

慧
啟
文集



HUỆ KHÀI

TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI - THE PSYCHOLOGY OF CAODAISTS

NXB HỒNG ĐỨC


HUỆ KHÀI

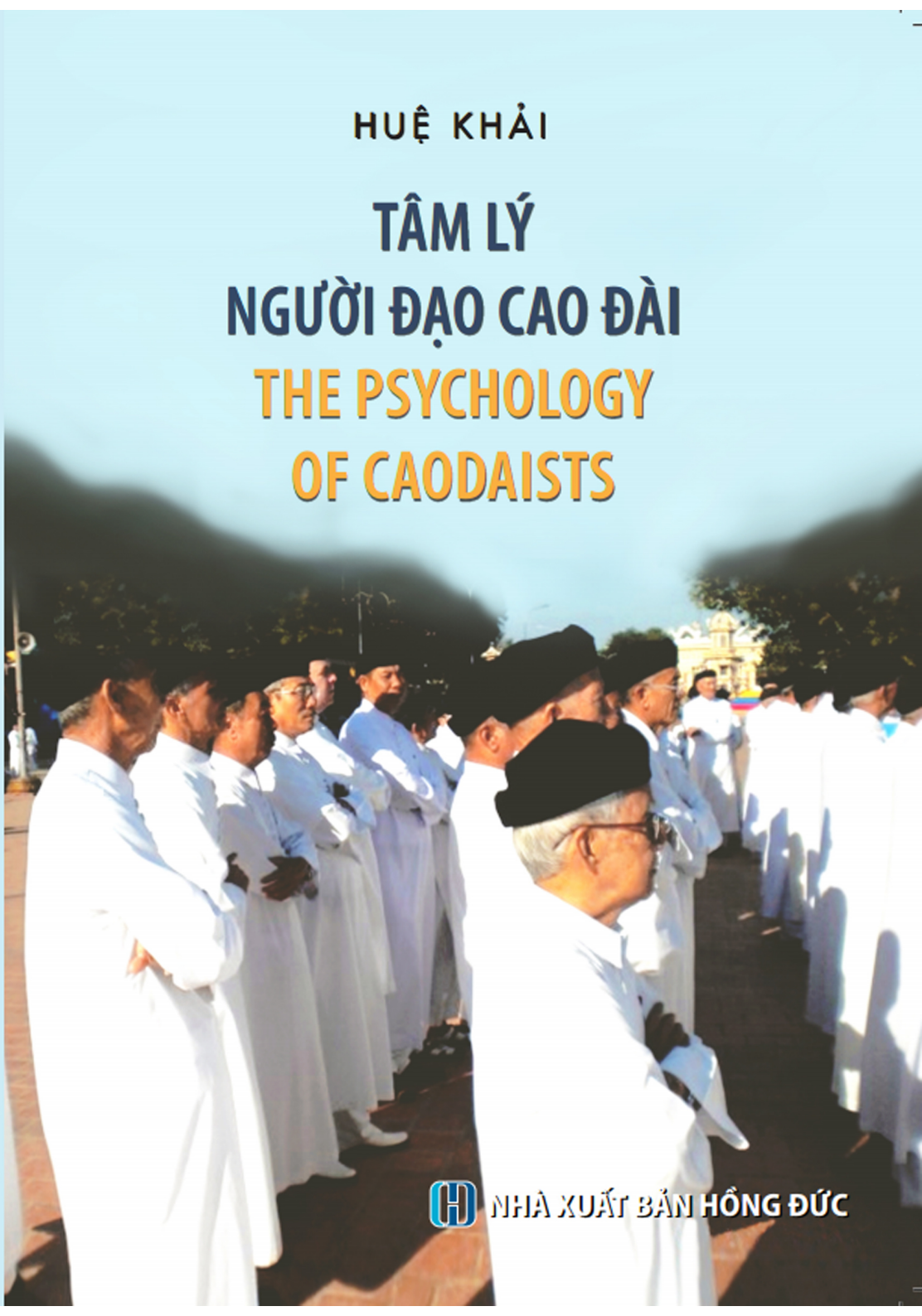
TÂM LÝ
NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI
THE PSYCHOLOGY
OF CAODAISTS

ISBN: 978-604-89-1208-6



Sách ấn tống. Không bán.
Not for sale.

 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC





Tân Luật, in lần đầu (14 trang, 15x24cm). Sài Gòn: nhà in Commerciale C. Ardin, 1927.

The New Law, first edition (14 pages, 15x24cm). Saigon: Commerciale C. Ardin printing house, 1927.

Đại lễ Vía Đức Chí Tôn năm 2015 tại Tòa Thánh Bến Tre (Hội Thánh CĐ Ban Chính Đạo)
Ảnh tài liệu.

2015 God's Anniversary at the Bến Tre Holy See (the Cao Dai Ban Chinh Đạo Holy Assembly)
Documentary photo.



40d

Phụ Bản / Plate 4

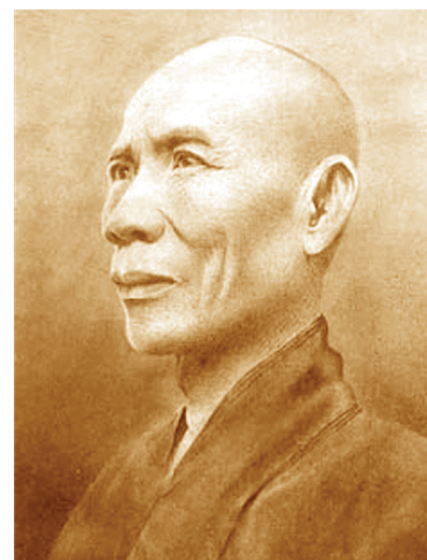


▲ Thiên Lâm Tự (khoảng năm 2012)

The Thiên Lâm pagoda (around 2012)

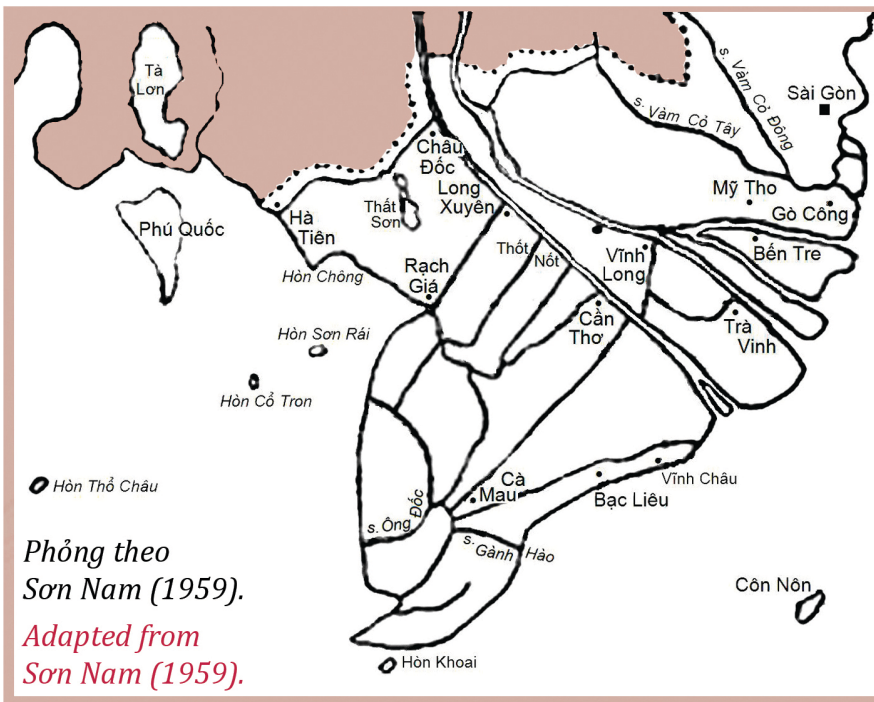
*Ảnh tài liệu
Documentary photos*

◀ Hòa Thượng / Head Bonze Như Nhãn Thích Từ Phong (1864-1939)
*Ảnh Huệ Nhãn tặng
Courtesy of Huệ Nhãn*



Phụ Bản / Plate 1

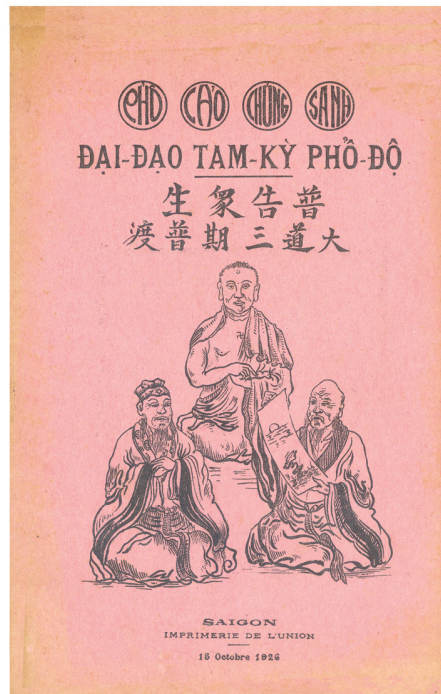
40a



Phỏng theo
Sơn Nam (1959).
Adapted from
Sơn Nam (1959).

▲ Sông ngòi ở Nam Kỳ chảy từ đông sang tây và ngược lại.
Cochinchinese waterways run from east to west, and vice versa.

Phổ Cáo Chúng Sanh ▶
Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Sài Gòn, 15-10-1926
General Announcement
to the Public
in the Third Universalism
of the Great Way
Saigon, 15 October 1926



40b Phụ Bản / Plate 2



Trên Thiên Bàn, tranh thờ này cho thấy tính mở của đạo Cao Đài.
This artwork on the God's Altar reflects the Caodai openness.

Phụ Bản / Plate 3

TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI
THE PSYCHOLOGY OF CAODAISTS

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI
THE PSYCHOLOGY OF CAODAISTS

Tác giả: **HUỆ KHẢI**

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thư: *nhaxuatbanhongduc@yahoo.com*
Điện thoại: 24.39260024 – Fax: 24.39260031

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Bùi Việt Bắc
Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập Lý Bá Toàn
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Ảnh bìa 1: <http://caodai.com.vn> (HT Cao Đài Tây Ninh)
Bìa 4: Huệ Khải văn tập 慧啓文集 – *Thư pháp:* Trương Lộ 張路
Trình bày bìa: Lê Anh Thư
Sửa bản in: Tú Đoàn – *Kỹ thuật:* Nghệ Dũ Lan
Đối tác xuất bản: Lê Anh Dũng
87/3 Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, TpHCM.

In 3.000 (ba ngàn) bản, khổ 14,5x20,5cm, tại XN In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.
Điện thoại: (28) 38153971 – Fax: (28) 38153297
Số XNKHXB 3286-2017/CXBIPH/20-63/HĐ
Số QĐXB của NXB: 0822/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 02-10-2017.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2017.
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-1208-6

Quyển **111.1** trong *Chương Trình Chung Tay*
Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo – SÁCH KHÔNG BÁN.
Issue No **111.1** by the *Programme of Joining Hands*
for Free Caodai Publications – NOT FOR SALE.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

*The Programme of Joining Hands
for Free Caodai Publications*

HUỆ KHẢI

(Dũ Lan LÊ ANH DŨNG)

TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI THE PSYCHOLOGY OF CAODAISTS

In lần thứ nhất / First edition

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**

Hà Nội 2017



Huệ Khải, ký họa bút chì / pencil sketch by Bửu Long



Ấn tống lần thứ nhất ba ngàn quyển do
môn sanh Chiếu Minh Long Vân Đàn, Mỹ Tho:

- Chọn linh hiền tử **HUYỀN THỊ DƯƠNG**
công quả **14.500.000 đồng** (đợt 111);

- Hiền huynh **THANH TÂM**
công quả **6.500.000 đồng** (trích đợt 85).

Kính thành hồi hướng cứu huyền thất tổ,
cầu nguyện quốc thái dân an,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoàng dương,
Đại Đạo Cao Đài quy nguyên thống nhất,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ kinh sách nào do *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo* thực hiện. Trân trọng kính mời quý vị liên hệ các điểm phát hành của chúng tôi tại các tỉnh, thành, quận, huyện, xã để thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biểu).

Kinh sách được ấn tống để kính biểu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gửi gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của quý vị. (**BAN ẤN TỐNG**)

MỤC LỤC / CONTENTS

TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI

GIAO CẢM	10
MẤY NÉT TÂM LÝ CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI	12
1. Tính mở	14
1.1. Đặc điểm địa lý	14
1.2. Đặc điểm đa văn hóa	15
1.3. Đặc điểm đa tín ngưỡng	15
1.4. Chủ trương của đạo Cao Đài	15
1.5. Tác động tích cực của tính mở	16
2. Tính nhiệt thành	17
* Tác động tích cực của tính nhiệt thành	18
3. Tính kham nhẫn lạc quan	20
* Tác động tích cực của tính kham nhẫn lạc quan	21
4. Tính dân chủ hay bình đẳng	21
* Tác động tích cực của tính dân chủ hay bình đẳng	23
5. Tính lãng mạn	24
* Tác động tích cực của tính lãng mạn	27
TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI	
TỪ GÓC NHÌN TÂM LÝ NGƯỜI VIỆT	29
1. Tâm lý cộng đồng	30
2. Bè phái, phân biệt địa phương, thiếu đoàn kết, cục bộ	32

3. Trọng tình cảm gia đình, lấy gia đình làm gốc, làng xã là gia đình lớn	34
4. Thích hội hè, mượn hội hè để giao tiếp với người cùng làng hay khác làng	35
5. Hiếu hòa, chuộng thương lượng hơn là đấu tranh	37
6. Ch chuộng nếp sống giản dị, cần kiệm	39
PHỤ BẢN 1-4	40a-d
SÁCH SONG NGỮ ĐỌC THÊM ĐỂ HIỂU ĐẠO CAO ĐÀI	79

THE PSYCHOLOGY OF CAODAISTS

FOREWORD	44
SOME PSYCHOLOGICAL TRAITS OF CAODAISTS	46
1. Openness	48
1.1. Geographical feature	49
1.2. Multi-cultural feature	49
1.3. Multi-belief feature	50
1.4. Policies of Caodaism	50
1.5. Constructive effect of openness	51
2. Enthusiasm	52
* Constructive effect of enthusiasm	53
3. Optimistic patience	54
* Constructive effect of optimistic patience	56
4. Democracy or equality	56
* Constructive effect of democracy or equality	58
5. Romantic characteristic	59
* Constructive effect of romantic characteristic	62

THE PSYCHOLOGY OF CAODAISTS AS VIEWED FROM THE VIETNAMESE PSYCHOLOGY	64
1. Community psychology	65
2. Factionalism, localism, separatism, and partialism	68
3. Respect for family sentiments, regarding the family as the base and the village as the extended family	70
4. Fondness for festivals, through which socialising with people in the same village or from different ones	71
5. Fondness for harmony and negotiation rather than struggle	73
6. Fondness for living in simplicity and thriftiness	75
PLATES 1-4	40a-d
FOR FURTHER READING	79

Front cover photo: *Caodaists at the 2012 God's Anniversary at the Tây Ninh Holy See.* (<http://caodai.com.vn>)

© 2017 All rights reserved
Huệ Khải (Dũ Lan Lê Anh Dũng)

TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI

GIAO CẢM

Tâm lý người đạo Cao Đài là những tính cách tinh thần hay thái độ của người tín hữu áo trắng, môn đồ Đức Thượng Đế. Tâm lý ấy tác động đến hành vi, nhận thức, và cảm xúc của họ. Hiểu tâm lý ấy thì cũng hiểu tôn giáo Cao Đài như một thực thể sống động với những thăng trầm trong lịch sử nền đạo.

Hai bài viết gộp trong tập sách nhỏ này chắc chắn không phải là một khảo sát chuyên môn về tâm lý người đạo Cao Đài. Đây chỉ là một đóng góp khiêm tốn nhằm dần dần hình thành tủ sách liên ngành dùng làm tài liệu tham khảo tạm thời, nhất là khi Học Viện của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài đã thành lập ở thành phố Đà Nẵng và đang nỗ lực đưa vào giảng dạy một vài môn học đặc thù như triết học Cao Đài, Anh ngữ ứng dụng cho nghiên cứu Cao Đài, v.v... trong lúc thư tịch Cao Đài về các lãnh vực hàn lâm này dường như hãy còn quá đổi khiêm tốn.

Tôi rất biết ơn thầy Tú Đoàn, một đồng

nghiệp cao niên khả kính đã đọc giúp tôi bản thảo tiếng Anh và đóng góp nhiều chỉnh sửa thật sự ý nghĩa và hữu ích.

Và nơi đây thêm lần nữa, mà chẳng bao giờ trọn đủ, tôi thành tâm bày tỏ lòng cảm kích và biết ơn sâu sắc tất cả quý đồng đạo quảng đại, cao quý vẫn không ngừng mạnh mẽ và chí tình ủng hộ Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo, một hành trình tôi đeo đẳng từ giữa năm 2008 tới nay.

Con cầu xin Thầy ban bố hồng ân đến toàn thể ân nhân của con và cứu huyền thất tổ những vị con mãi mang ơn.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

HUỆ KHẢI

Những ngày cuối tháng Chín 2017

MẤY NÉT TÂM LÝ CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI

Đạo Cao Đài chính thức ra mắt công chúng vào trung tuần tháng 11-1926 với một đại lễ rất long trọng (về sau mệnh danh là *Khai Minh Đại Đạo*) tại thánh thất Thiên Lâm, nguyên là ngôi chùa tên gọi Thiên Lâm Tự, mượn của Hòa Thượng Như Nhãn (Thích Từ Phong, 1864-1939). Ngày nay ngôi Phật tự này ở số 5/11, ấp Long Trung, xã Long Thành Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh [*xem Phụ Bản 1*, tr. 40a].

Bốn tháng sau khi đại lễ Khai Minh khai mạc, Thiên Lâm Tự được trả lại cho chủ chùa Như Nhãn vào Thứ Tư 23-3-1927. Mọi tài sản của thánh thất đều phải chở hết về khoảnh rừng mới mua ở làng Long Thành (tỉnh Tây Ninh). Từ đó trở đi, người đạo Cao Đài bắt đầu quy tụ mỗi lúc một đông đảo hơn ở chốn rừng xanh nguyên sơ có thể xem là đất hứa của họ. Trải qua nhiều thập niên dài khai phá, cuối cùng những con người tiên phong hào hùng với đức tin bền bỉ ấy đã xây dựng thành công được cả một vùng đất rộng lớn sầm uất như nhìn thấy hôm nay, nổi bật với Tòa Thánh Tây Ninh uy nghiêm, sừng sững.

Không riêng Tây Ninh, ở nhiều tỉnh khác trên lãnh thổ Nam Kỳ và rồi Trung Kỳ, đạo Cao Đài dần dần hình thành những cộng đồng Cao Đài khác nhau trong lịch sử phát triển của nền tôn giáo này còn mới mẻ. Mỗi cộng đồng bao gồm hàng trăm, hàng ngàn tín đồ với những sinh hoạt tu hành lâu năm trải nghiệm.

Sự thấm nhuần thánh ngôn, thánh giáo và hàm dưỡng trong việc thực hành pháp môn trải qua thời gian mấy mươi năm đã hình thành những sắc thái riêng trong nếp nghĩ, trong hành vi, trong tình cảm của các tín đồ Cao Đài. Như vậy là có “tâm lý người đạo Cao Đài”, nếu hiểu tâm lý theo cái nghĩa khái quát là “*Những đặc điểm về tình cảm và hành vi của một cá nhân, một nhóm người, hay một hoạt động.*” (*American Heritage Dictionary of the English Language*, in lần thứ tư. Boston, MA: Houghton Mifflin Co., 2004.)

*

Phần đông người đạo Cao Đài rất *đễ mũi lòng*. Những khi đọc thánh giáo hay nhắc lại thánh ngôn, họ rất dễ xúc động một cách chân thành, có thể ứa nước mắt một cách tự nhiên.

Khi dự các buổi thuyết minh giáo lý ở các thánh thất Cao Đài, người ta tiện dịp có thể bắt gặp những giọt lệ, hoặc trên mặt thuyết trình viên đang đứng ở bục giảng, hoặc trên mặt các đạo hữu đang ngồi nghe ở các hàng

ghế trong hội trường. Cho nên, nếu muốn thăm dò xem một tín đồ Cao Đài có còn mặn mà với Đạo hay không, cái cách dễ dàng có lẽ là chú ý tới phản ứng tình cảm, tâm lý của họ những khi họ đọc, nghe, nhắc tới lời dạy trong thánh giáo, thánh ngôn Cao Đài.

Ngoài đặc điểm nói trên, thử xem còn có cái gì khác cũng là nét tâm lý người đạo Cao Đài. Một cách không đầy đủ, sau đây tạm nêu ra năm nét chủ yếu.

1. Tính mở

Tính mở bắt nguồn từ truyền thống bao dung tôn giáo của người Việt, từ truyền thống Tam Giáo đồng nguyên. (Để có thêm thông tin về hai truyền thống này, bạn đọc có thể tham khảo một tập sách của Huệ Khải, nhan đề: *Tam Giáo Việt Nam – Tiền Đề Tư Tưởng Mở Đạo Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, 2013.)

Tính mở còn bắt nguồn từ đặc điểm địa lý, đặc điểm đa văn hóa và đa tín ngưỡng của Nam Kỳ – cái nôi của đạo Cao Đài. Ba đặc điểm này được trình bày chi tiết trong một quyển sách khác của Huệ Khải, nhan đề: *Đất Nam Kỳ – Tiền Đề Văn Hóa Mở Đạo Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2008, 2012. Nơi đây nói gọn như sau:

1.1. Đặc điểm địa lý

Nam Kỳ được xem là vị trí ngã tư đường của các cư dân và các nền văn hóa, văn minh. Vì thế Nam Kỳ đã sớm là vị trí hội tụ các luồng văn hóa Đông Tây, một giao

điểm động, thoáng, và mở.

Đồng bằng sông Cửu Long hai mặt giáp biển, trên cùng một châu thổ có những con sông chảy ngược chiều nhau. Nơi đây có sông đổ ra Biển Đông, có sông đổ ra vịnh Thái Lan ở phía tây, và những con sông đó lại được các con kênh nối kết với nhau, như thể nối liền nước chảy về bên đông với nước chảy về bên tây [xem Phụ Bản 2, tr. 40b].

1.2. Đặc điểm đa văn hóa

Ngoài người Việt (Kinh) và Hoa (Hán) ra, riêng ở Nam Kỳ còn có bảy dân tộc sau đây: Khơme, Cơ Ho, Chăm [Chàm], Mnông, Xtiêng, Mạ và Chu Ru.

Nhờ vị trí thuận lợi của Nam Kỳ, sự giao thoa văn hóa không chỉ diễn ra giữa các dân tộc đang sinh sống ở lãnh thổ này mà còn với cả các dân tộc bên ngoài như Mã Lai, Xiêm La, Java... Cư dân Nam Kỳ lại có liên hệ với nền văn minh Nam Á đã lâu đời.

1.3. Đặc điểm đa tín ngưỡng

So với các nơi khác, Nam Kỳ có nhiều loại hình tôn giáo và số lượng tín đồ chiếm tỷ lệ cao nhất trong cả nước.

1.4. Chủ trương của đạo Cao Đài

Ngoài ba đặc điểm kể trên, tính mở còn bắt nguồn từ chủ trương *vạn giáo nhất lý* của đạo Cao Đài, xác định rằng tất cả giáo chủ, giáo thuyết đều có chung một

nguồn cội là Thượng Đế hay Trời. Trong một đàn cơ ngày 07-4-1926 tại Vĩnh Nguyên Tự (thánh sở Cao Đài ở làng Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn, nay thuộc tỉnh Long An), Đức Cao Đài Thượng Đế dạy:

Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã.

Thích Ca Mâu Ni thị Ngã.

Thái Thượng, Nguơn Thi thị Ngã.

Kim viết Cao Đài.

(*Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, Sài Gòn 1928, tr. 14.)

Nghĩa là:

Nhiên Đăng Cổ Phật là Ta.

Thích Ca Mâu Ni là Ta.

Thái Thượng, Nguơn Thi là Ta.

Nay gọi Cao Đài.

Tính mở còn bắt nguồn từ chủ trương *kết tinh kim cổ dung hòa Đông Tây* của đạo Cao Đài.

1.5. Tác động tích cực của tính mở

Người đạo Cao Đài nhìn nhận rằng Trời (Giáo Chủ Cao Đài) cũng là Nhiên Đăng và Thích Ca Mâu Ni (của đạo Phật), là Thái Thượng Lão Quân và Nguơn Thi Thiên Tôn (của đạo Lão). Các tín hữu áo trắng này chấp nhận một bàn thờ trên hết là Thiên Nhân (tượng trưng Ngọc Hoàng Thượng Đế), bên dưới là Tam Giáo Tổ Sư (Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử), kế tiếp là Tam Trấn Oai Nghiêm

đại diện Tam Giáo (Lý Thái Bạch, Quan Âm, Quan Thánh), tiếp đến là Chúa Giêsu Kitô đại diện Thánh Đạo, và sau cùng là Khương Thái Công đại diện Thần Đạo [xem Phụ Bản 3, tr. 40c]. Như thế, rõ ràng người đạo Cao Đài không dị ứng với các giáo lý, tín ngưỡng khác.

Cho nên không ngạc nhiên khi thấy một trong những ấn phẩm đầu tiên của đạo Cao Đài, ghi ngày 15-10-1926, in tại Sài Gòn, nhan đề *Phổ Cáo Chúng Sanh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*, ngoài bìa một vẽ hình Đức Thích Ca ngồi giữa, hai bên là Đức Khổng Tử và Đức Lão Tử [xem Phụ Bản 2, tr. 40b].

Tính mở giải thích vì sao khi đứng trước một bàn thờ hay tượng thờ một tôn giáo khác, người đạo Cao Đài cũng thành kính tự nhiên như lúc đối diện với thánh tượng Thiên Nhân trên bàn thờ đạo mình.

Khi giảng giải giáo lý, người đạo Cao Đài không hề tự gò bó mình, không tự giới hạn mình trong nguồn thánh giáo Cao Đài; trái lại, họ thường có khuynh hướng trích dẫn một cách thích thú và tự nhiên kinh điển của Nho, Thích, Lão, và Ki Tô Giáo, v.v...

Với tính mở của mình, người đạo Cao Đài sẵn có ưu điểm rất nhân bản là họ không thể mắc phải tệ phân biệt, kỳ thị tín ngưỡng, văn hóa, chủng tộc, v.v...

2. Tính nhiệt thành

2.1. Tính nhiệt thành bắt nguồn từ ý thức hăng say

làm công quả để phụng sự người khác với lòng vị tha. Giáo lý Cao Đài đề cao việc thực hành công quả, nhấn mạnh rằng thế gian này thật ra là một trường thi công quả và mỗi người sống trên thế gian là một thí sinh mà kết quả đỗ đạt tùy thuộc vào những công quả người ấy chu toàn trong đời mình. Theo ý nghĩa này, Thần Thánh, Tiên Phật vốn dĩ đã từng là các thí sinh trong cõi phàm trần; cuối cùng các ngài đỗ đạt vinh quang và trở thành các đấng thiêng liêng trên thượng giới.

2.2. Trong nhiều hình thức công quả có một công quả rất lớn là “độ” (giúp đỡ) cho người khác giác ngộ để vào Đạo tu học (nhập môn), và mỗi tín đồ Cao Đài cần độ ít nhất mười hai người vào Đạo, tuân theo lời dạy của Đức Cao Đài Thượng Đế vào ngày 27-8-1926. Đây là yếu tố khiến cho hầu hết tín đồ Cao Đài thường có tính nhiệt thành truyền giáo cho dù họ không được đào tạo làm nhà truyền giáo chuyên nghiệp.

2.3. Tác động tích cực của tính nhiệt thành

2.3.1. Tính nhiệt thành công quả khiến cho người đạo Cao Đài giàu tinh thần hành thiện không vụ danh vụ lợi. Trong một xã hội từng bị chiến tranh tàn hại khốc liệt, thường phải chịu đựng nghèo đói và thương đau, tính nhiệt thành công quả này luôn thôi thúc người đạo Cao Đài hăng hái và tích cực tìm cách giúp đỡ đồng đạo và đồng bào ruột thịt những khi cần có sự cứu tế.

Đối với tín đồ Cao Đài, hành thiện như thế tức là thực

hành Nhân Đạo, và đồng thời xây dựng nền tảng vững chắc cho Thiên Đạo (nghĩa là tu luyện để giải thoát luân hồi sinh tử). Trong một đàn cơ ngày 20-02-1926, Đức Cao Đài Thượng Đế dạy:

*Vào vòng huynh đệ khá thương nhau
Một đức trời hơn một phẩm cao
Chí quyết Thiên Đường men bước tới
Phải nhiều máu thịt mới đồng bào.*
(*Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, 1928, tr. 9.)

2.3.2. Tính nhiệt thành truyền giáo khiến cho người đạo Cao Đài luôn sẵn sàng tinh thần xả thân hoằng đạo, nhờ đó đạo Cao Đài phát triển nhanh về quy mô ngay trong buổi sơ khai. Jayne Susan Werner xác nhận:

“Không lâu sau khi thành lập, tôn giáo mới này đã có được đông đảo tín đồ ở khắp cả Nam Kỳ.” (*Peasant Politics and Religious Sectarianism: Peasant and Priest in the Cao Dai in Viet Nam*. Connecticut: Monograph series No. 23, Yale University Southeast Asia Studies, 1981, p. 4.)

Hội Thánh Cao Đài non trẻ không giàu về tiền bạc, nghèo cả về cơ sở vật chất, thế mà mỗi khi có một công cuộc gì lớn lao thì bốn đạo tự nguyện dốc sức người sức của vào đó rất mau và rất hăng hái. Hồ sơ lưu trữ (phông *GouCoch*) tại Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia 2 hiện còn nhiều tài liệu lịch sử cho thấy có những tín đồ nhiệt thành đã hiến cả nhà riêng, ruộng đất, v.v... để làm

thánh thất Cao Đài trong buổi đầu mở Đạo.

3. Tính kham nhẫn lạc quan

3.1. Tính kham nhẫn lạc quan của người đạo Cao Đài bắt nguồn từ sự thấm nhuần lễ nghi nguyên trong giáo lý Cao Đài. Theo lễ nghi nguyên, mọi việc chi ở thế gian đều gồm hai nguyên lý tương phản (đối lập). Chẳng hạn, như thể hai mặt của một đồng xu, hạnh phúc không tách rời khỏi buồn phiền.

Trong một đàn cơ ngày 13-3-1926, Đức Cao Đài Thượng Đế dạy về lễ nghi nguyên như sau:

“Phàm muôn việc chi cũng có thiệt và cũng có đối. Nếu không có thiệt thì làm sao biết đặng đối; còn không có đối làm sao phân biệt cho có thiệt.” (*Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, 1928, tr. 13.)

Tính kham nhẫn lạc quan cũng bắt nguồn từ đức tin của người đạo Cao Đài về luật nhân quả: Con người phải trả quả cho những cái xấu, cái ác họ gây tạo trong quá khứ. Hơn thế nữa, nếu muốn mau trả hết nghiệp quả trong kiếp này để chóng sạch nợ nần từ kiếp trước, sớm được nhẹ nhàng giải thoát về cõi trời thì phải vui lòng cam chịu *nhồi quả*, tức là thay vì dần dần trả nợ góp, phải trả dồn dập một lần cả vốn lẫn lãi, thế nên thân thể đành chịu vô cùng lao đao, điêu đảo.

Bài *Kinh Hộ Mạng* của tín đồ Cao Đài có hai câu kết phản ánh rất rõ tính kham nhẫn lạc quan này:

*Cam lòng với cảnh thuyên xê,
Có Thầy [Trời] con trẻ ủ ê chi mà.*

3.2. Với đức tin tuyệt đối nơi Trời và luật nhân quả, người đạo Cao Đài thấu hiểu rằng mọi nghịch cảnh họ gặp mặt hôm nay không hề vô căn vô cớ. Nếu chẳng vì trả nợ nần kiếp trước thì cũng là thử thách tâm chí can trường và đạo hạnh của người tu buổi hiện tiền. Bởi vậy, trong một đàn cơ ngày 13-3-1926, Đức Cao Đài Thượng Đế dạy:

“Muốn xứng đáng làm môn đệ Thầy là khổ hạnh lắm. Hễ càng thương bao nhiêu thì Thầy lại càng hành bấy nhiêu. Như đáng làm môn đệ của Thầy thì Bạch Ngọc Kinh [nơi Thượng Đế ngự] mới chịu rước, còn ngã thì cửa địa ngục lại mời.” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, 1928, tr. 13.)

3.3. Tác động tích cực của tính kham nhẫn lạc quan

Do tính kham nhẫn lạc quan người đạo Cao Đài khi đối mặt nghịch cảnh, cho dù phũ phàng nhất, vẫn có thể cam lòng ẩn nhẫn sống, gìn giữ thân mạng để hoàn tất con đường tu hành. Thái độ bi quan, tuyệt vọng đến mức phải tự tử là việc rất hiếm thấy trong đạo Cao Đài.

4. Tính dân chủ hay bình đẳng

4.1. Hội Thánh Cao Đài được thiết lập với hệ thống chức sắc, giáo phẩm tinh vi, mang tính tổ chức vững

chắc. Jayne Susan Werner nhận xét:

“Hội Thánh Cao Đài cũng được tổ chức quy củ, khác hẳn với cách tu hành đang phổ biến ở Việt Nam lúc bấy giờ. Dù rằng ở miền Nam đã có các giáo phái nhỏ thực hành bí giáo huyền môn và sử dụng đồng tử, những đạo giáo ấy đã không cho thấy mức độ tổ chức ngang tầm với đạo Cao Đài, cũng như không có được đông đảo tín đồ như đạo Cao Đài. Mỗi cấp chức sắc Cao Đài đều có được một chức năng nhiệm vụ riêng biệt và được quy định minh bạch, mà từng phương diện của chức năng nhiệm vụ ấy đều có một ý nghĩa biểu trưng.” (Peasant Politics and Religious Sectarianism..., p. 7.)

Mặc dù có cơ cấu tổ chức tinh vi, dường như đạo Cao Đài lại mang tính đại gia đình. Đơn vị căn bản của hệ thống hành chánh đạo Cao Đài là một họ đạo với khoảng năm trăm tín đồ và một thánh thất (nhà thánh). Sau khi thánh thất Thiên Lâm hình thành ở Gò Kén (làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh), trong một đàn cơ ngày 18-9-1926, “thánh thất” được Đức Cao Đài Thượng Đế định nghĩa:

*“Thầy đã lập thành thánh thất, nơi ấy là **nhà chung** của các con...” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, 1928, tr. 38.)*

Tính dân chủ hay bình đẳng trong tâm lý người đạo Cao Đài bắt nguồn từ tính cách gia đình tiềm tàng trong tổ chức Hội Thánh Cao Đài, trong cách xưng hô giữa các Đấng thiêng liêng với tín đồ, giữa đồng đạo với nhau.

Theo luật lệ Cao Đài (*Tân Luật*) ban hành vào đầu năm 1927, mối quan hệ giữa chức sắc nam nữ và tín đồ là quan hệ giữa anh chị và các em. Phẩm *Giáo Tông* cao tột trong Hội Thánh Cửu Trùng Đài cũng gọi là *Anh Cả*. (*Tân Luật*: Đạo Pháp, Chương I, Điều Thứ Nhứt.) Trong cách xưng hô giữa tín đồ với nhau, tùy theo tuổi tác mà gọi bạn đạo là *đạo huynh, đạo tỷ, đạo đệ, đạo muội*.

Mỗi khi giáng cơ đến với tín đồ, Đức Cao Đài Thượng Đế luôn tự xưng là *Thầy*, là *Cha*; Đức Phật Mẫu (Diêu Trì Kim Mẫu) luôn tự xưng là *Mẹ*. Tương ứng, Đức Thượng Đế và Đức Phật Mẫu gọi tín đồ là *các con*. Các đấng Thánh Tiên, Bồ Tát, v.v.... giáng cơ dạy đạo đều gọi tín đồ là *hiền đệ, hiền muội*, coi những kẻ phàm trần ấy là em trong nhà.

Khi vào đền hay điện thờ Phật Mẫu chào lễ Mẹ, các chức sắc Cao Đài không được mặc áo mào (phẩm phục), tất cả chỉ mặc quần và áo dài trắng, đơn sơ như một tín đồ thông thường. Ý nghĩa căn bản của quy tắc này là: Trước mặt Mẹ, tất cả con cái đều ngang hàng như nhau.

4.2. Tác động tích cực của tính dân chủ hay bình đẳng

Tính dân chủ hay bình đẳng trong cộng đồng Cao Đài khiến cho giữa cấp dưới với cấp trên hay giữa tín hữu với chức sắc thường có mối quan hệ thân thiện. Hệ quả là lòng tôn kính, tùng phục đàn anh đàn chị trong đạo Cao Đài không phải do hình thức áo mào, chức vụ (phần

bên ngoài) mang lại mà chính là do tình thương chân thật, do đạo hạnh gương mẫu và tâm đức ngời sáng của đàn anh đàn chị (phần bên trong)...

Thấu hiểu như thế, ắt lãnh hội vì sao trong giáo lý Cao Đài rất hay nói tới *quyền pháp* thay vì nói *quyền hành* hoặc *quyền bính*. Trong một đàn cơ ngày 17-02-1969 tại thánh thất Nam Thành (Sài Gòn), Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch minh định ý nghĩa chân xác của quyền pháp (cũng gọi *quyền pháp Đạo*) như sau:

“Quyền Pháp Đạo không là điều cai trị. Quyền Pháp Đạo chính là sự thương yêu, giải thoát cai trị để tiến hóa.”

5. Tính lãng mạn

5.1. Lãng mạn được hiểu theo nghĩa là *“Có nhiều tư tưởng lý tưởng hóa hiện thực và nuôi nhiều ước mơ về tương lai xa xôi.”* (Hoàng Phê chủ biên. *Từ Điển Tiếng Việt*. Hà Nội: Trung Tâm Từ Điển Ngôn Ngữ, 1992. tr. 539.)

Tính lãng mạn của người đạo Cao Đài sớm có ngay từ khi mới hình thành nền tôn giáo, được nuôi dưỡng và củng cố bằng đức tin mãnh liệt qua các thánh giáo Cao Đài báo trước về một tương lai kỳ vĩ của Việt Nam. Hơn thế nữa, từ Việt Nam là cái nôi của đạo Cao Đài, ảnh hưởng Đạo sẽ lan rộng ra khắp thế giới, cho cả nhân loại cùng hạnh hưởng cảnh thiên đàng tại thế. Tiêu biểu cho những lời tiên báo như nói trên là bài thánh thi sau đây:

*Phụng gáy non Nam, Đạo trở mời,
Trở mời non vật bốn phương trời.
Trời Âu biển Á chờ thay sắc,
Sắc trắng mây lành phủ khắp nơi.
(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, 1928, tr. 97.)*

5.2. Tính lãng mạn của người đạo Cao Đài liên quan tới tình dân tộc, lòng yêu nước. Trong khi đất nước Việt Nam đang bị thực dân Pháp chia làm ba mảnh là Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ, thì trong một đàn cơ ngày 21-10-1926, người đạo Cao Đài được Đức Chí Tôn (Thầy) dạy:

*Từ đây nòi giống chẳng chia ba,
Thầy hiệp các con lại một nhà.
Nam, Bắc cùng rời ra ngoại quốc,
Chủ quyền Chơn Đạo một mình Ta.
(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, 1928, tr. 42.)*

Rất thú vị là bài thơ đầy tính quốc sự như thế lại được Hội Thánh Cao Đài công khai xuất bản năm 1928 (nhà in Tam Thanh, số 108-110 Place Maréchal Foch) tại Sài Gòn, thủ phủ đất Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp.

Ngày nay non sông Việt Nam đã liền một dải; đạo Cao Đài đã truyền bá được khắp từ Nam ra Trung, ra Bắc. Từ cuối thập niên 1970 trở đi, do hoàn cảnh lịch sử xô đẩy mà các thánh thất Cao Đài dần dà có mặt ở nhiều nước khác. Bài thơ tiên báo ấy phải chăng đã ứng nghiệm?

5.3. Tính lãng mạn của người đạo Cao Đài còn bắt

nguồn từ lòng tự hào dân tộc. Ngay từ giữa thập niên 20 của thế kỷ 20, dưới ách thống trị của thực dân Pháp, những người dân của một nước mất chủ quyền lại được Đức Cao Đài Thượng Đế dạy rằng tuy đang chịu cảnh nô lệ, nhưng Việt Nam sẽ sớm mở Hội Niết Bàn, tức là sẽ có cảnh thiên đàng tại thế. *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Sài Gòn 1928, tr. 86) xác quyết:

*Hào Nam bang! Hào Nam bang!
Tiểu quốc tảo khai Hội Niết Bàn.*

(Tốt thay nước Nam! Tốt thay nước Nam!
Nước nhỏ mà sớm mở Hội Niết Bàn.)

Đến với một tôn giáo trẻ, người đạo Cao Đài sớm được Thầy mình dạy rằng đạo Cao Đài mai sau sẽ là Quốc Đạo của nước Nam:

*Từ thử nước Nam chẳng đạo nhà,
Nay Ta gầy dựng lập nên ra.
(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, 1928, tr. 98.)*

Ngày 18-9-1926, Đức Cao Đài Thượng Đế dạy:

*“Từ đây trong nước Nam duy có một đạo chơn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con, gọi là Quốc Đạo.”
(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, 1928, tr. 38.)*

5.4. Tính lãng mạn của người đạo Cao Đài còn bắt nguồn ở đức tin rằng đạo Cao Đài (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ) là phương tiện cứu độ sau cùng của nhân loại do Trời ban cho dân tộc được chọn và dân tộc Việt Nam vì

vậy có sứ mạng rất trọng đại và vinh dự trong Tam Kỳ Phổ Độ là phải cứu độ toàn nhân loại.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (quyển I, Sài Gòn 1928) tập hợp nhiều lời dạy của Đức Cao Đài Thượng Đế (Thầy) liên hệ tới sứ mạng nói trên của dân tộc Việt Nam. Chẳng hạn:

Ngày 25-7-1926: “... trong Tam Kỳ Phổ Độ này các con phải độ rỗi cả nhơn loại khắp cả năm châu...” (tr. 28)

Ngày 13-12-1926: “Vốn Thầy lập nền chánh giáo cho dân Nam Việt chẳng phải là việc nhỏ đâu.” (tr. 55)

Ngày 17-01-1927: “Thầy lại đến lập trong nước các con một nền chánh đạo đủ tư cách độ rỗi chúng sanh. Các con và cả dân tộc các con vì nơi Đạo mà đặng đạt đến phẩm vị cao thượng...” (tr. 64)

5.5. Tác động tích cực của tính lãng mạn

Có đặt mình vào hoàn cảnh xã hội Nam Kỳ thời thuộc địa thì dễ thấy tác động tích cực của tính lãng mạn ở người đạo Cao Đài. Tính lãng mạn này giải tỏa những ức chế của người dân mất nước, thỏa mãn lòng tự hào của một dân tộc bất khuất, và nuôi dưỡng ước vọng muốn được giải phóng để dân tộc ngừng cao đầu cùng năm châu bốn bể, rồi sẽ còn đem tôn giáo nước nhà ảnh hưởng tới các dân tộc khác.

Có thể nói rằng tính lãng mạn của người đạo Cao Đài còn là một biểu hiện của truyền thống yêu nước. Đây là

một yếu tố khiến cho đạo Cao Đài sớm quy tụ đông đảo đồng bào yêu nước, một sự thực mà ngày nay các học giả tên tuổi đều nhìn nhận. Chẳng hạn, Jayne Susan Werner viết:

“Sự khéo léo tổng hợp truyền thống Tam Giáo và sự diễn giải minh bạch, chính xác truyền thống Tam Giáo không những tạo ra sức hút văn hóa mãnh liệt mà còn lôi cuốn được phong trào kháng [Pháp] gắn liền với truyền thống này và hãy vẫn còn sinh lực.” (Peasant Politics and Religious Sectarianism ..., p. 56.)

*

Tìm hiểu tâm lý người đạo Cao Đài có lẽ hãy còn chưa được chú ý nhiều đối với cả trong và ngoài tôn giáo Cao Đài. Đề tài này có thể nghiên cứu sâu rộng tùy theo mục đích của các nhà nghiên cứu để có được các ứng dụng đáp ứng những nhu cầu cụ thể.

27-5-2000

Sửa chữa, 18-9-2017

TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI TỪ GÓC NHÌN TÂM LÝ NGƯỜI VIỆT

Tâm lý người Việt bao gồm những tính cách gì? Đây quả là câu hỏi không dễ trả lời. Có lẽ vì thế mà trong tập sách mong mỏng xuất bản năm 1993 với nhan đề *Tâm Lý Dân Tộc: Tính Cách Và Bản Sắc*, Phạm Bích Hợp không đưa ra một liệt kê nào cả, ngoại trừ năm tính cách bà dẫn từ Nguyễn Hồng Phong (tr. 75). Thiếu sót này dường như được bù đắp phần nào với *Tâm Lý Người Việt Nam Nhìn Từ Nhiều Góc Độ*, xuất bản năm 2000, do Phạm Bích Hợp chủ biên.

Tuy dày dặn hơn, quyển sau vốn là hiệp tuyển gồm nhiều người viết nên tất nhiên thiếu tính hệ thống và vẫn chưa phải là đáp án mong đợi cho câu hỏi nêu ra ở đầu bài viết này. May là quyển sau có bài viết của Bùi Quốc Châu (tr. 172-173) tỉ mỉ kể ra ba mươi bảy tính cách vừa xấu vừa tốt, có thể nói là phần nào tương đồng với ý kiến của một số tác giả khác trong cùng quyển sách ấy.

Căn cứ vào hai quyển sách nói trên (theo thứ tự nhan đề được nói tắt là *TLDT*, và *TLVN*), tôi tạm tuyển lấy sáu

tính cách tâm lý tiêu biểu của người Việt vốn dĩ được đa số tác giả đồng thuận. Ở đây dĩ nhiên không nhắc lại những tính cách đã nói tới trong bài trước: “*Mấy Nét Tâm Lý Của Người Đạo Cao Đài*” (tr. 12-28). Dựa vào kết quả tuyển chọn ấy, tôi thử tìm hiểu tâm lý người đạo Cao Đài. Thứ tự trước sau của sáu tính cách tâm lý trình bày sau đây thật sự không là điều quan trọng.

*

1. Tâm lý cộng đồng

Tâm lý cộng đồng được xem là một nét tâm lý của người Việt (*TLVN*, tr. 61). Đặc biệt với cư dân ở Nam Kỳ (cái nôi của đạo Cao Đài), tâm lý cộng đồng có lẽ phát sinh từ nhu cầu quần cư trong buổi xa xưa; dần dần sự quần cư đơn giản ban sơ phát triển thành làng mạc để những người khai hoang mở đất vừa có thể xóa bỏ mặc cảm thân phận lưu dân (*TLVN*, tr. 157), vừa tạo được điều kiện nương tựa nhau trên đất mới, nơi họ phải thường xuyên đối trị thiên nhiên khắc nghiệt và cuộc sống vật chất quá đói thiếu thốn.

Tâm lý cộng đồng này tiềm tàng trong nếp hành đạo của người tín đồ Cao Đài, và có thể nhận thấy qua *Tân Luật* do Hội Thánh Cao Đài ban hành, với bản in đầu tiên (14 trang, 15x24cm), thực hiện tại nhà in Commerciale C. Ardin, Sài Gòn, năm 1927 [*xem Phụ Bản 4*, tr. 40d]. Mặc dù trong thập niên 1930, tôn giáo Cao Đài tách ra

thành nhiều nhánh, nhưng Tân Luật vẫn là luật chung cho hầu hết các nhánh này.

Đạo Cao Đài ra đời trong thời nước mất nhà tan, người đạo vừa thiếu thốn nhiều phương diện, vừa thường xuyên chịu sự bách hại của cả chánh quyền thuộc địa và triều đình Huế (xem: Huệ Khải, *Cấm Đạo Cao Đài Ở Trung Kỳ 1928-1950 / Caodaism under Persecution in Central Vietnam 1928-1950*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012). Do đó tín đồ cần quy tụ lại để nương tựa nhau, cùng tồn tại và tăng trưởng. Việc lập *họ đạo* được Tân Luật quy định như sau:

“Nơi nào có đông tín đồ được chừng năm trăm người sắp lên, thì được lập riêng một họ, đặt riêng một thánh thất, có một chức sắc làm đầu cai trị.” (Đạo Pháp, Chương III, Điều Thứ Mười Sáu.)

Lập họ để quy tụ tín chúng thì chỉ mới đảm bảo về phần hình thức hay xác thể. Để bền vững và tăng trưởng, mỗi họ đạo cần có cái tình, cái hồn. Muốn vậy, người cùng một họ đạo phải biết gần gũi nhau để kịp thời giúp nhau những lúc cần thiết, nhất là khi cưới hỏi, tang ma, hay nhằm cơn hoạn nạn, tai ương. Tân Luật quy định ba điều như sau (*Thế Luật*, Điều Thứ Năm, Mười Bốn, và Mười Chín):

(a) *“Đối với hàng đạo hữu phải nuôi nấng cái tình thù tạc với nhau, cho khẩn khít cái dây liên lạc. Trong hàng tín đồ còn ở thế phải nhớ hai dịp là tang và hôn.”*

(b) *“Trong bốn đạo xảy có người mãn phần quy vị thì chư tín đồ trong họ phải chung cùng đến giúp và chia buồn với tang chủ.”*

(c) *“Một người trong đạo gặp tai nạn thành linh, thì bốn đạo trong họ hãy tùy hỷ chung nhau, tư trợ cho qua lúc ngặt nghèo.”*

Đám tang người đạo Cao Đài luôn luôn được chức sắc, chức việc, đồng đạo cùng nhau cử hành chu đáo, tận tâm và hoàn toàn miễn thù lao. Tang gia không được biểu tiền hay vật phẩm làm quà cho chức sắc, chức việc đến làm các bí tích và cử hành tất cả các nghi thức an táng (kể từ lúc khâm liệm cho tới khi lấp huyết mộ) cũng như tất cả các lễ cầu siêu (từ lúc nhập quan, tiếp tục định kỳ suốt cho tới lễ mãn tang, kéo dài 581 ngày tính từ ngày chết). Nếu tang gia quá nghèo, họ đạo còn sót sẵn góp tiền giúp trang trải tất cả phí tổn. Nếu tang gia sung túc, tất cả tiền phúng điếu sẽ dùng làm công quả (từ thiện).

Tín đồ Cao Đài phần đông đều nghèo. Vì vậy, đối với thân nhân người mãn phần, tìm được chỗ an táng người quá cố không phải lúc nào cũng dễ dàng, đơn giản. Quy định sau đây của Tân Luật có thể xem như một gợi ý: *“Mỗi họ cũng nên lập một nghĩa địa riêng.”* (*Thế Luật*, Điều Thứ Mười Bốn.) Quả thật, trước năm 1975 nhiều họ đạo đã thực thi được quy định này.

2. Bè phái, phân biệt địa phương, thiếu đoàn kết, và cục bộ

Nghe như nghịch lý khi nói tâm lý cộng đồng hiện hữu song hành với đối lập của nó là tâm lý bè phái, phân biệt địa phương (TLVN, tr. 93), thiếu đoàn kết, và cục bộ (TLVN, tr. 99, 172, 173).

Vào thập niên 1930, sự phân ly trong đạo Cao Đài đã chia tách tôn giáo này ra nhiều nhánh. Mỗi nhánh tách riêng ra tất nhiên có yêu cầu phải gắng sức tăng trưởng, cũng như tạo nên thanh danh và uy tín cho riêng mình. Còn cái gốc ắt phải tự phòng thủ chặt chẽ nhằm ngăn ngừa sự phân ly lan rộng. Dần dần các nhánh phát triển thành Hội Thánh mới và đương nhiên đều bị cái gốc xem là không đúng chân truyền, là bàng môn tả đạo. Mỗi Hội Thánh (dù gốc hay nhánh) đều sẵn có một vài vị lãnh đạo nhiều uy tín và ảnh hưởng, thì họ lại càng cố gắng củng cố hơn nữa uy tín và ảnh hưởng các lãnh đạo của mình sao cho nổi bật hơn các lãnh đạo của nơi khác.

Ngày nay, thực trạng lịch sử của tôn giáo Cao Đài cho thấy hai tác động đối lập: Một mặt, trong khi cố gắng phát triển đạo trên phạm vi địa phương của mình, mỗi Hội Thánh thực sự góp phần hiệu quả làm đạo phát triển nhanh. Mặt khác, trái ngược lại, mỗi Hội Thánh càng cố gắng phát triển theo cách riêng của mình thì càng gia tăng thêm khoảng cách với các Hội Thánh khác, và càng gây thêm những cản trở trên con đường thống nhất đạo Cao Đài.

Từng Hội Thánh có thể có một số điểm mạnh, nhưng

xét về tổng thể thì sức mạnh của cả nền tôn giáo Cao Đài đang bị phân tán rời rạc. Nếu Hội Thánh Cao Đài là một thực thể thống nhất và toàn vẹn, thì tất nhiên đạo Cao Đài có được sức mạnh tổng hợp để góp phần thâm nhập hành trình và thời gian hoàn thành mục đích tối hậu hay cứu cánh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

3. Trọng tình cảm gia đình, lấy gia đình làm gốc, làng xã là gia đình lớn (TLDT, tr. 82-83)

Tâm lý này của người Việt Nam bộc lộ trong hệ thống chức sắc đạo Cao Đài. Gia đình chung của tín đồ là họ đạo; gia đình lớn hơn cả là Hội Thánh. Đứng đầu Hội Thánh Cửu Trùng Đài là Giáo Tông, cũng gọi Anh Cả, và toàn thể tín đồ là các em. Thượng Đế (Thầy) là Cha thì Anh Cả có quyền thay Cha dạy dỗ các em, theo truyền thống xã hội Việt Nam. Vai trò này của Anh Cả (Giáo Tông) được quy định ngay khi mở đầu Tân Luật:

*“Trên hết có một phẩm Giáo Tông là **Anh Cả** có quyền thay mặt cho Thầy mà dìu dắt cả tín đồ trong đường đạo và đường đời.” (Đạo Pháp, Chương I, Điều Thứ Nhứt.)*

Thấp hơn Giáo Tông bốn bậc là phẩm Giáo Sư. Theo Tân Luật, quan hệ của Giáo Sư với tín đồ là quan hệ anh em một nhà:

*“Buộc Giáo Sư lo lắng cho chư tín đồ như **anh ruột lo cho em**. (...) Giáo Sư phải thân cận với tín đồ như **anh em một nhà** cần lo giúp đỡ.” (Đạo Pháp, Chương I, Điều Thứ Năm)*

Trong phần thứ hai của Tân Luật là *Thế Luật*, mở đầu liền nhắc lại mối quan hệ giữa tín đồ và chức sắc là quan hệ giữa anh chị em chung một nhà, cùng chung một Cha (Thầy, Thượng Đế):

“Hễ thọ giáo với một Thầy thì tử như con một Cha, phải thương yêu nhau, liên lạc nhau, giúp đỡ nhau, lấy lòng thành thật mà đối đãi nhau, dìu dắt nhau trong đường đạo và đường đời.” (*Thế Luật*, Điều Thứ Nhứt.)

Do tâm lý gia đình mà Tân Luật nhấn mạnh việc khuyến nủ, bảo ban hơn là trừng phạt, chế tài. Cho nên sau khi đưa ra những điều ngăn cấm, Tân Luật quy định cách xử lý người vi phạm như sau:

*“Người nào trong đạo phạm một hay nhiều điều răn cấm trên đây, thì mấy người khác trong bốn đạo hay biết phải khuyến giải. Nếu chẳng nghe, phải đến tỏ cho người làm đầu trong họ hay, cho người để lời **khuyến dạy**.”* (*Thế Luật*, Điều Thứ Hai Mười Hai.)

4. Thích hội hè, mượn hội hè để giao tiếp với người cùng làng hay khác làng (*TLDT*, tr. 82-83)

Tâm lý này có thể xem là liên quan tâm lý cộng đồng của người Việt. Hiện hữu như một nét tâm lý của người đạo Cao Đài, sở thích giao tiếp với người cùng làng và khác làng trở thành sở thích giao tiếp người cùng họ đạo hay khác họ đạo.

Người Việt Nam rất thích hội hè. Theo một thống kê

năm 2004 của Bộ Văn Hóa Thông Tin, quanh năm cả nước có 8902 lễ hội, trong đó có 7005 lễ hội dân gian truyền thống, và 1399 lễ hội tôn giáo (<http://www.tienphong.vn>). Vì vậy không lạ rằng người đạo Cao Đài cũng có nhiều lễ hội và lễ kỷ niệm của riêng mình. Có lễ chung cho toàn đạo Cao Đài, hoặc chỉ riêng cho một Hội Thánh [xem *Phụ Bản 4*, tr. 40d]. Có lễ mang tính cách riêng của một họ đạo nhưng không giới hạn trong vòng tín hữu của chính họ đạo ấy; vì vậy, không cần thư mời, mọi đạo hữu đều được tiếp đón niềm nở.

Tác động tích cực của tập quán này trong đạo Cao Đài là tình tương trợ; thật vậy, mỗi khi đến dự lễ tại một họ đạo bạn, đạo hữu luôn luôn sẵn lòng góp tiền công quả (tiền hành hương). Nghĩa cử này tạo ra một nguồn tài chánh đáng kể lưu thông giữa họ đạo này với họ đạo khác, đặc biệt là giúp đỡ các họ đạo nghèo.

Mỗi dịp lễ thường kết hợp thuyết giảng giáo lý, vì vậy còn giúp tín đồ nâng cao hiểu biết. Nhờ thế họ có thể được bù đắp phần nào thiệt thòi nếu như họ đạo của chính họ không thể tổ chức thuyết đạo mỗi tháng vào hai kỳ sóc vọng, theo đúng quy định trong Tân Luật (*Đạo Pháp*, Chương III, Điều Thứ Mười Chín). Điều này giải thích vì sao người đạo Cao Đài không bao giờ coi việc đi dự lễ ở một họ đạo khác là dịp vui chơi, mà trân trọng mệnh danh là *“liên giao hành đạo”*. Bởi thế, người đạo sẵn lòng rời Sài Gòn từ sáng sớm để dự lễ tại các tỉnh Long An, Tiền Giang hay Bến Tre, v.v... hoặc ngược lại.

5. Hiếu hòa, chuộng thương lượng hơn là đấu tranh (TLVN, tr. 48)

Người đạo Cao Đài mặc đạo phục màu trắng. Màu trắng có thể phối hợp với bất kỳ màu nào khác. Do đó, người đạo Cao Đài thường hay nhấn mạnh đến ý nghĩa biểu tượng của màu trắng là tính hòa hiệp. Hơn thế nữa, muốn vào Bạch Ngọc Kinh (chỗ ngự của Đức Ngọc Hoàng trên thượng giới) phải nhờ vào tình hòa hiệp. Đức Cao Đài Thượng Đế dạy:

*Hòa là một món báu linh,
Là chìa khóa mở Ngọc Kinh bước vào.
(Đại Thừa Chơn Giáo. Sài Gòn 1950, tr. 132.)*

Đạo Cao Đài là một gia đình lớn, trong đó chức sắc và tín đồ đều là môn đệ cùng một Thầy (Thượng Đế), cũng là anh em chung một Cha. Thế nên sống ở đời giữa đồng đạo với nhau phải cho nhân nghĩa và hòa hiệp. Trong một đàn cơ ngày 20-02-1926, Đức Cao Đài Thượng Đế dạy:

*Chẳng quản đồng tông mới một nhà,
Cùng nhau một Đạo tức cùng Cha.
Nghĩa nhân đành gởi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhau dựng chữ hòa.
(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, 1964, tr. 8.)*

Hòa hiệp không chỉ được nhấn mạnh ở giáo lý mà còn thể hiện ở giáo luật. Thông thường mọi việc tranh tụng đều dễ dàng phá vỡ hòa hiệp. Muốn duy trì hòa hiệp

phải tránh kiện thưa. Vì mục đích này, trong gia đình thì cha khuyên con, anh khuyên em. Trong họ đạo thì đó là bốn phận của đầu họ đạo. Tân Luật quy định “Hình phạt”, thế nhưng trước khi phạt thì phải “phân giải”:

*“Về đường đời bốn đạo có xích mích nhau, cũng phải đến cho người làm đầu trong họ **phân giải**.” (Đạo Pháp, Chương VII, Điều Thứ Hai Mười Tám.)*

Tân Luật buộc người trên phân giải kẻ dưới thì ngược lại cũng buộc kẻ dưới phải nhún nhường tuân theo sự phân giải của người trên. Phận người trên mà sai quấy thì phải biết phục thiện nghe theo lời nói phải lẽ của đàn em:

“Phải tuân lời dạy của bề trên, chẳng hổ chịu cho bực thấp hơn điều độ. Lấy lễ hòa người. Lỡ làm lỗi, phải ăn năn chịu thiệt.” (Đạo pháp, Chương V, Điều Thứ Hai Mười Hai.)

Để duy trì hòa khí, theo Tân Luật, kẻ thứ ba không được đứng dưng làm người bàng quan:

“Đừng thấy đồng đạo tranh đua ngời mà xem không để lời hòa giải...” (Đạo Pháp, Chương V, Điều Thứ Hai Mười Hai.)

Còn hơn thế nữa, Tân Luật buộc tín hữu như sau:

“Nhập đạo rồi thì phải quên những việc oán thù nhau khi trước; phải tránh việc ganh ghét, tranh đua và kiện cáo; phải nhẫn nhịn và hòa thuận với nhau. Rủi có điều

chi xích mích, phải vui nghe người làm đầu trong họ phân giải.” (Thế Luật, Điều Thứ Hai.)

Trong số các tiền khai Cao Đài có hai vị chủ quận điển hình là Ngô Văn Chiêu (1878-1932) và Nguyễn Ngọc Tương (1881-1951). Do tâm lý hiếu hòa, mỗi khi xử kiện trong quận, hai vị luôn tìm cách hòa giải các bên tranh chấp.

6. Chuộng nếp sống giản dị, cần kiệm (TLDT, tr. 75)

Tiết kiệm là đạo đức xã hội và cũng là hạnh đức người tu hành. Đối với phần đông tín hữu Cao Đài vốn còn nghèo khổ, dù ở thôn quê hay thị thành, tiết kiệm và sống giản dị là một hành vi đạo đức, và là một trong những bài học đầu tiên Đức Cao Đài Thượng Đế dạy môn đệ khi vừa mới mở Đạo.

Thực vậy, ngày 12-10-1926, Đức Cao Đài Thượng Đế dạy:

“Biết tại sao Thầy muốn cho các con mặc đồ thô vải chằng? Vì thô vải là tấm gương đạo đức. Các con đã rõ đạo thì phải biết đức cần kiệm là đức hạnh đầu trong lúc các con còn ở thế gian này. Như sự lãng phí, se sua ở đời này Thầy cũng cho là một việc tổn đức vậy.” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, 1964, tr. 47-48.)

Theo *Đạo Sử Xây Bàn*, quyển I (ronéo), của Đầu Sư Hương Hiếu (1887-1971) thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh, trong đàn cơ ngày 27-11-1926, Đức Cao Đài

Thượng Đế dạy một môn đệ là ngài Nguyễn Ngọc Thơ (1873-1950) như sau:

“Thơ, con làm thánh tượng [Thiên Nhân] vậy ẵng. Con phải tính thế in cho nhiều một lần thì giá rẻ chút ít nghe.” (tr. 52)

Ngay sau đó không rõ ngài Nguyễn Ngọc Thơ bạch điều chi (vì bà Hương Hiếu không ghi lại), mà Đức Cao Đài Thượng Đế dạy tiếp:

“ẵng con. Thầy biết một điều là trong hàng em út các con đều là phần nghèo; một đồng nó đở một đồng, nghe con.” (tr. 52)

Chuẩn bị cất Tòa Thánh Tây Ninh, giáng cơ tại thánh thất Thiên Lâm ngày 28-02-1927, Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch vẽ họa đồ thiết kế một kiến trúc hết sức to tát, cho tương xứng với tầm cỡ đạo Cao Đài trong tương lai. Trong một đàn cơ sau đó (bà Hương Hiếu không ghi ngày), Đức Cao Đài Thượng Đế dạy:

“Thầy chằng đành. Thảng như tổn kém nhiều, các con coi theo họa đồ tính làm theo thước mộc. Nghe à.” (Thước mộc tương đương 0,425 mét.)

Dù thế, trong đàn cơ ngày 08-3-1927 tại thánh thất Thiên Lâm, ngài Nguyễn Ngọc Thơ vẫn xin xây dựng theo họa đồ của Đức Lý Giáo Tông, thì Đức Cao Đài Thượng Đế dạy: *“Tổn kém nhiều lắm con ơi!”* Sau đó Đức Lý Thái Bạch cho các tiền khai Cao Đài biết chính Đức

Thượng Đế đã giảm bớt kích thước Tòa Thánh.

Sống tiết kiệm (cần kiệm) còn được quy định trong Tân Luật, tiêu biểu như sau:

“[Chức sắc] Ăn mặc thường. Phải dùng toàn đồ vải trắng, hoặc màu theo phái mình, song phải tùy tiện chẳng nên xa xỉ.” (Đạo Pháp, Chương II, Điều Thứ Mười Lăm.)

“Người bổn đạo ăn mặc phải cần kiệm, tùy phận tùy dươn [duyên], cũng nên dùng đồ vải thô và giảm bớt hàng lụa.” (Thế Luật, Điều Thứ Hai Mười Mốt.)

“Trong việc tống chung không nên xa xỉ, không nên để lâu ngày, không nên dùng đồ âm công có màu sắc lòe loẹt, chỉ dùng toàn đồ trắng, không nên đãi đặng rần rộ mà mất sự nghiêm tịnh và mất dấu ai bi.” (Thế Luật, Điều Thứ Mười Sáu.)

*

Tâm lý người đạo Cao Đài là một phần của tâm lý người Việt Nam, trong đó chắc chắn có tác động tích cực và không tích cực. Những tính cách tâm lý ấy đều ảnh hưởng tới tâm thái hay não trạng (*mentality*) và phong cách hành đạo của người Cao Đài. Cần tìm hiểu chúng để giảm thiểu những trở ngại và đồng thời tối ưu hóa những thuận lợi sẵn có trong mọi nỗ lực hoằng hóa đạo Cao Đài. Tuy nhiên, tâm lý người đạo Cao Đài là một lãnh vực chưa được học giới chú ý nghiên cứu. Bài viết

này vì thế xem như một bước chân dò dẫm trên một cõi miền nguyên sơ.

Tháng 11-2004
Sửa chữa, 25-9-2017

*

Ghi chú:

Để tìm hiểu thêm về đạo Cao Đài, có thể tham khảo các tập sách song ngữ Việt-Anh của Huệ Khải, liên kết ấn tống tại hai nhà xuất bản Tôn Giáo và Hồng Đức (Hà Nội) từ năm 2008 tới nay. Xem trang 79 ở cuối sách này. Ngoài ra, có thể truy cập các văn bản điện tử tại:

<http://chungtayantong.blogspot.com>

<http://daidaovanuyen.blogspot.com>

<http://huekhai.blogspot.com>

<http://understandingcaodaim.blogspot.com>

THE PSYCHOLOGY OF CAODAISTS

FROM HEART TO HEART

The psychology of Caodaists is mental characteristics or attitude of God's disciples, who dress in white. Their psychology affects their behaviour, cognition, and emotion. Understanding their psychology helps to perceive Caodai religion as an active entity with its historical ups and downs.

The two essays included in this booklet are certainly not a professional survey of the psychology of Caodaists. This is just a modest contribution to gradually shaping a series of interdisciplinary essays which might be expediently used as references, especially when the Caodai Missionary Holy Assembly's Academy has already been established in Đà Nẵng city and it is attempting to introduce some specific subjects such as the Caodai philosophy, English for Caodai studies, etc. while the Caodai literature on these academic realms still seems to be too meagre.

I am so grateful to my highly respectable

senior teaching colleague Tú Đoàn for his proofreading my English manuscript and contributing lots of worthwhile adjustments.

And here again, but never enough, I sincerely express my deep appreciation and gratitude to all of my noble and generous coreligionists, who have strongly, unceasingly, and wholeheartedly supported the Programme of Joining Hands for Free Caodai Publications, the journey I have been through since mid-2008.

I beg Master's great favour to be bestowed upon my benefactors, their ancestors and relatives as well.

Namo Caodai the Immortal Mahabodhisattva Mahasattva.

HUỆ KHẢI

Late September 2017

SOME PSYCHOLOGICAL TRAITS OF CAODAISTS

The Caodai religion officially presented itself to the public in mid-November 1926 during a great solemn Inauguration ceremony, later denominated *Khai Minh Đại Đạo*. The ceremony was held at the Thiên Lâm holy house, which was originally a Buddhist pagoda named Thiên Lâm Tự, borrowed from Head Bonze Như Nhân (Thích Từ Phong, 1864-1939). At present, the Buddhist pagoda is situated at No 5/11, Long Trung hamlet, Long Thành Trung village, Hòa Thành district, Tây Ninh province [see *Plate 1*, p. 40].

Four months after the Inauguration commencement, on Wednesday 23 March 1927 the Thiên Lâm pagoda was returned to Như Nhân, its owner. All belongings of the holy house had to be transported to the newly purchased woods in Long Thành village (Tây Ninh province). From then on, an increasing mass of congregants of the new faith unceasingly gathered at the virgin woods which might be considered their promised land. Eventually, through many long decades of reclamation and cultivation, those heroic pioneers of

strong faith could successfully build up a large, crowded and busy area as what is seen today, and thereon eye-catchingly stands the impressive Tây Ninh Holy See.

Not only in Tây Ninh but also in other provinces of Cochinchina and Annam (Central Vietnam) afterwards, were various congregations formed one after another through the development history of the fledgling religion. Each congregation is made up of hundreds or thousands of adherents who have been experiencing their own faith for years.

Having absorbed Caodai holy teachings and been self-cultivating through Caodai meditation practice for several decades, Caodai adherents possess particular characteristics in their thinking, behaviour, and sentiment. Consequently, there exists what is called “the psychology of Caodaists” if psychology is generally understood as *“The emotional and behavioral characteristics of an individual, a group, or an activity.”* (*American Heritage Dictionary of the English Language*, 4th edition. Boston, MA: Houghton Mifflin Co., 2004.)

*

The majority of Caodai followers are much emotional. When affected by Caodai holy sayings, they are easily and sincerely so moved that their eyes naturally soak in tears.

Attending preaching sessions conducted at Caodai holy houses is possibly a convenient opportunity to catch sight of such kind of tears on the face of either the preacher at the pulpit or his coreligionists who are sharing the seats of the auditorium. Thus, one easy way to fathom the faith depth of a Caodaist’s heart might be to notice his emotional expressions or psychological reactions when he is reading, listening to, or citing Caodai holy teachings.

Besides the above-mentioned characteristic, are there any other psychological traits of Caodaists? In reply to this question, insufficiently listed below are five key traits.

1. Openness

Openness results from the Vietnamese people’s tradition of religious tolerance and also that of “the Three Teachings sharing their common origin – *Tam Giáo đồng nguyên*”. (For more information about these two traditions and their relevance to Caodaism, the reader is suggested to consult a book by Huệ Khải: *The Three Teachings of Vietnam as an Ideological Precondition for the Foundation of Caodaism*. Hà Nội: Religion publishing house, 2010, 2013.)

Openness also results from the geographical, multi-cultural, and multi-belief features of Cochinchina – the cradle of Caodaism. The details of these three features

can be found in another book by Huệ Khải: *Cochinchina as a Cultural Precondition for the Foundation of Caodaism*. Hà Nội: Religion publishing house, 2008, 2012. To sum up, they are as follows:

1.1. Geographical feature

Cochinchina has been considered a crossroads of flows of migrants, cultures, and civilisations. That is why it soon became an open and dynamic convergence of both oriental and occidental cultures.

The Mekong Delta borders seas on both sides. In the same delta lots of rivers run in opposite directions: Some flow to the sea in the east (Biển Đông, the Eastern Sea), others to the Gulf of Thailand in the west. Moreover, with an interlaced system of canals connecting these opposite currents, the seawater in the east and the one in the west seem to converge [see Plate 2, p. 40b].

1.2. Multi-cultural feature

Besides the Viets and the Chinese, In Cochinchina alone, there are seven other ethnic groups: the Khmers, the K'hors, the Chams, the Mnongs, the Stiengs, the Mas and the Churus.

Thanks to Cochinchina's convenient location, cultural exchange took place not only amongst local ethnic groups but also between natives and foreigners from

Malaya, Siam (Thailand), Java and so on. Cochinchinese inhabitants also had some relations with age-old South Asian cultures.

1.3. Multi-belief feature

Compared with other regions, Cochinchina has more religion forms whose followers accounts for the highest rate in the whole country.

1.4. Policies of Caodaism

Besides the three features mentioned above, openness also emerges from the policy of Caodaism, which asserts that underlying all doctrines exists their common principle (*vạn giáo nhất lý*), and thus, all religion founders as well as their teachings share the one and only source denominated God or Heaven. On 07 April 1926, during an evocation seance held at Vĩnh Nguyên Tự (a Caodai holy house) located in Long An village, Cần Giuộc district, Chợ Lớn province (today belonging to Long An province), Caodai God said:

I am Dipankara the Ancient Buddha.

I am Shakyamuni [of Buddhism].

I am also Taishang Laojun,

and Yuanshi Tianzun [both of Daoism].

My present name is Cao Đài.

(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển / An Anthology of Holy Sayings, vol. I, Saigon 1928, p. 14.)

Openness is also brought about by another Caodai policy *to crystallise the quintessence of past and present, and harmonise East and West*.

1.5. Constructive effect of openness

Caodaists agree that Heaven, i.e., the Founder of Caodaism, is also Dipankara and Shakyamuni (both of Buddhism), Taishang Laojun and Yuanshi Tianzun (both of Daoism). They accept an altar arranged with the God's Eye (symbolising the Jade Emperor) at the top position, then at lower positions, secondly with the Three Founders (Shakyamuni, Laozi, Confucius), thirdly with the Three Founders' Representatives (Li Bai, Guanyin, Guansheng), fourthly with Jesus Christ (representing the Saint Way), and finally with Jiang Taigong (representing the Deity Way) [see Plate 3, p. 40c]. Thus, it is obvious that Caodaists are not allergic to other doctrines or faiths.

So, it is not surprising that one of the earliest Caodai publications entitled *Phổ Cáo Chúng Sanh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ* (General Announcement to the Public in the Third Universalism of the Great Way), dated 15 October 1926 and printed in Saigon, displays Shakyamuni sitting between Confucius and Laozi on its front cover [see Plate 2, p. 40b].

Openness explains why Caodaists naturally pay homage to another faith's altar or sacred statue in the

same manner as to the God's Eye on their own altar.

When preaching, Caodaists do not confine their sermons to Caodai holy teachings alone; on the contrary, in a natural and interesting manner, they are apt to cite the scriptures of Confucianism, Buddhism, Daoism, and Christianity, etc.

Thanks to their openness, Caodaists have a very humanistic strong point which frees themselves from discrimination against beliefs, cultures, and races, etc.

2. Enthusiasm

2.1. Enthusiasm arises from strong consciousness of eagerly offering *công quả* (selfless services for other people's benefits). Caodai teaching gives prominence to this kind of service offer, and emphasises that this human world is in fact a contest arena where each person on earth is a candidate whose final success depends upon the selfless services accomplished in his life. In this meaning, Deities, Saints, Immortals, and Buddhas used to be mortal candidates on earth; eventually, they did gloriously pass their contests and became sacred powers in heaven.

2.2. Of many kinds of offering selfless services, a very great one is "deliverance" or "salvation", that is to say, helping other people be enlightened so that they can voluntarily enter Caodai religion, becoming its followers. As taught by Caodai God at an evocation

seance on 27 August 1926, each Caodaist is to help at least twelve people convert to Caodaism. This arouses in most Caodaists enthusiasm for proselytisation although they are not trained to be professional proselytisers.

2.3. Constructive effect of enthusiasm

2.3.1. Enthusiasm for offering selfless services nourishes and enriches the Caodaists' spirit of doing good deeds without seeking fame or wealth in return. In a society once badly ruined by war and regularly affected by poverty and misery, this kind of enthusiasm always urges Caodaists actively and eagerly manage to help their coreligionists and compatriots whenever relief works are needed.

For Caodaists, doing such charitable activities means practising the Way of Humans (the Dao of Man), and simultaneously building up a solid foundation for their Way of Heaven (i.e., spiritually cultivating themselves to get free from samsara). During an evocation seance on 20 February 1926, Caodai God bestowed this poem:

*Becoming congregants, love your brethren.
A high virtue surpasses a high grade.
So, when deciding to step to Heaven,
Love fellow citizens like your kindred.
(An Anthology of Holy Sayings, 1928, p. 9.)*

2.3.2. Affected by enthusiasm for proselytisation,

Caodaists are permanently ready to give their lives for the growth of their religion; this helps to explain the rapid increase of Caodai population in its early years. Jayne Susan Werner asserts:

“Soon after its founding, the new religion gained a wide following throughout Cochinchina.” (Peasant Politics and Religious Sectarianism: Peasant and Priest in the Cao Dai in Viet Nam. Connecticut: Monograph series No. 23, Yale University Southeast Asia Studies, 1981, p. 4.)

The fledgling Caodai Holy Assembly was not rich in wealth and also poor in facilities; however, whenever there was a large undertaking, its followers would voluntarily help by pouring their money and labour into that so quickly and eagerly. Presently, many historical files in the Fonds *GouCoch* at the National Archives Number 2 (Saigon) are proofs of the enthusiastic dedication of the Caodaists who converted their homes and lands to holy houses in the Caodai beginning.

3. Optimistic patience

3.1. The Caodaists' optimistic patience results from their being imbued with dualism in Caodai teaching. According to dualism, every existence on earth consists of two opposing principles. Like two faces of a coin, for instance, happiness is accompanied by sorrow.

During an evocation seance on 13 March 1926,

Caodai God explained dualism as follows:

“In general, everything consists of both true and false sides. If the true is lacked, how can the false be exposed? And if the false is absent, how can the true be identified?” (An Anthology of Holy Sayings, 1928, p. 13.)

Optimistic patience also arises from Caodaists' belief in the law of causes and effects: Every person is to suffer retribution for doing evil in his past. Furthermore, if a follower expects to get free from all unpaid debts passed down from his past lives so as to facilitate his returning way to Heaven, he must be willing to pay off his accumulated karmic debts. This means that instead of payment in instalments, both principal and interests must be paid off straight away in his present life; thus, he is inevitably thrown into a convulsion.

The two closing lines of *Kinh Hộ Mạng* (*The Life Protecting Prayer*) bestowed upon Caodaists obviously reflect their optimistic patience:

*Resigning myself to my drifting boat of life,
What's the good of sorrow when God's beside?*

3.2. Absolutely believing in Heaven as well as the law of causes and effects, Caodaists apprehend that every adversity in their present life has its own reason or purpose. It might be either retribution for evil deeds in their previous lives or a present challenge to test their

courage and virtue. During an evocation seance on 13 March 1926, therefore, Caodai God said:

“To be worthy of being My disciple, you must endure intense suffering. The more I love you, the more I test you. If you deserve being my disciple, the White Jade Capital [God's abode in heaven] will welcome you; if not, hell's door will open wide for you.” (An Anthology of Holy Sayings, 1928, p. 13.)

3.3. Constructive effect of optimistic patience

Thanks to optimistic patience, when facing even the worst adversity, Caodaists are still forbearing enough to maintain life and accomplish their self-cultivation. Suicides urged by pessimism and desperateness are rarely found among Caodai believers.

4. Democracy or equality

4.1. The Caodai Holy Assembly is established as a solid organisation with its elaborate hierarchy. Jayne Susan Werner remarks:

“The Cao Dai church was also highly organized, in contrast to prevailing religious practice in Viet Nam at the time. Although small religious sects practicing occultism and using mediums had existed in the south, they did not display the same degree of organization nor the mass following of the Cao Dai. Each Cao Dai priestly grade was endowed with a separate and well-defined

function, every aspect of which held a symbolic meaning.”
(*Peasant Politics and Religious Sectarianism...*, p. 7.)

Despite its elaborate organisational structure, Caodai religion seems to possess the attribute of a great family. The fundamental unit of the Caodai administration system is a parish (*hộ đạo*), where a holy house (*thánh thất*) is constructed for around five hundred congregants. After the Thiên Lâm holy house was founded in Gò Kén (Long Thành village, Tây Ninh province), during an evocation seance on 18 September 1926, Caodai God defined “holy house” as follows:

*“I have founded the holy house which is **your common house...**”* (*An Anthology of Holy Sayings*, 1928, p. 38.)

The Caodaists’ democracy or equality characteristic arises from the family attribute latently existing in the Caodai Holy Assembly organisation, in the ways of addressing between Heavenly Powers and Caodai adherents, between a Caodai follower and his or her coreligionists.

According to *Tân Luật* (the New Law of Caodaism) promulgated in early 1927, the relationship between male and female dignitaries and congregants is the one between elder brothers, sisters and the younger. The top rank *Giáo Tông* (Pope) of *Cửu Trùng Đài* (the Nonuple hierarchy) is denominated *Anh Cả*, i.e., the Eldest Brother. (*The New Law: Religious Law*, Chapter I,

Article 1.) Depending on his or her age, a coreligionist is addressed as *đạo huynh*, *đạo tỷ*, *đạo đệ*, *đạo muội* (respective and literal meanings: religious elder brother, religious elder sister, religious younger brother, religious younger sister).

During evocation seances, Caodai God always addresses Himself as *Thầy* (Master), or *Cha* (Father); Buddha Mother (*Diêu Trì Kim Mẫu*, the Golden Mother of the Jade Pond) always addresses Herself as *Mẹ* (Mother). Correlatively, Caodai God and Buddha Mother address Caodai followers as *các con* (children). When teaching Caodaists at evocation seances, Deities, Saints, Immortals, Bodhisattvas, etc. address them as *hiền đệ*, *hiền muội* (literal meanings: younger brothers or sisters; *hiền* is a honorific derived from Chinese).

Instead of dignitary vestments, whenever presenting themselves at ceremonies in a Buddha Mother temple, Caodai dignitaries are to dress in white like normal adherents. This means that all children are equal before Mother.

4.2. Constructive effect of democracy or equality

Thanks to the democracy or equality characteristic immanent in Caodai congregations, there is generally a friendly relationship between the low-ranking and high-ranking as well as between normal congregants and the dignitaries. Consequently, Caodaists’ respectful

submission to their superiors does not result from external factors like dignitaries' attire or ranks, but ensues from internal features such as dignitaries' bright examples and illustrious virtues...

Thoroughly seizing this sense, one certainly understands why *quyền pháp* (dhama power) is the term much used in Caodai teaching rather than *quyền hành* or *quyền bính* (authority). On 17 February 1969, during an evocation seance at the Nam Thành holy house in Saigon, Spiritual Pope Lý Thái Bạch highlighted the true meaning of *quyền pháp* (also called *quyền pháp Đạo*) as follows:

"The dhama power in Caodaism is not dominion. The dhama power in Caodaism is nothing else but love, and release of dominion for evolution."

5. Romantic characteristic

5.1. *Romantic* is defined as "Being characterised by idealised ideas of reality, and nurturing lots of dreams of a distant future." (Hoàng Phê, chief editor: *Từ Điển Tiếng Việt / Vietnamese Dictionary*. Hà Nội: Trung Tâm Từ Điển Ngôn Ngữ, 1992. p. 539.)

The Caodaists' romantic characteristic appeared even in the early beginning of the religion, and has been nourished and strengthened by a strong belief in a marvellous future of Vietnam which is prophesied through Caodai holy messages. Furthermore, from

Vietnam as the cradle of Caodaism, the faith will influence the whole world so that all mankind will be able to enjoy the paradise on earth. Typical of the above-mentioned prophecies is the following holy poem:

*In Vietnamese mountains crows a phoenix,
and Caodai advent is signalised by it.
From East to West, a change is awaited,
and the whole world will enjoy peace.
(An Anthology of Holy Sayings, 1928, p. 97.)*

5.2. The Caodaists' romantic characteristic is relevant to their patriotism, love for their fellow citizens. Despite the fact that the French colonial rulers divided Vietnam into Cochinchina, Annam, and Tonkin, during an evocation seance on 21 October 1926, Caodai God bestowed the following poem upon His disciples:

*From now on, your race is not cut into three.
I unite you under the same roof.
Caodaism will spread from South to North,
and then overseas.
I'm the only sovereign of the True Way.
(An Anthology of Holy Sayings, 1928, p. 42.)*

It is very interesting that the Caodai Holy Assembly publicly published such a poem of politics in 1928 (at Tam Thanh printing house, No. 108-110 Place Maréchal Foch) in Saigon, the capital of French Cochinchina.

At present, Vietnam regains its undivided territory;

Caodai religion can present itself in the Southern, Central, and Northern Vietnam. Since the late 1970s, due to historical circumstances, Caodai holy houses have been established one after another in many other countries. Has that prophesying poem come true?

5.3. The Caodaists' romantic characteristic also ensues from their pride in the Vietnamese people. Even in the mid-1920s, living under the yoke of French colonialists, the people of a country losing its sovereignty were taught by Caodai God that despite its slavery, Vietnam would soon hold the Nirvana Assembly, i.e., there would be the paradise on earth. *An Anthology of Holy Sayings* (Saigon 1928, p. 86) claims:

*How fortunate Vietnam! How fortunate Vietnam is!
A small nation will soon hold Nirvana Assembly.*

Joining their fledgling religion, Caodaists are taught by their Master that Caodaism will be Vietnam's National Religion (*Quốc Đạo*):

*Formerly Vietnam lacked its own religion,
Now I build up one for My children.
(An Anthology of Holy Sayings, 1928, p. 98.)*

On 18 September 1926, Caodai God said, "*From now on, in Vietnam there is only one true religion, which I found for you, and it is called your National Religion.*" (*An Anthology of Holy Sayings*, 1928, p. 38.)

5.4. The Caodaists' romantic characteristic also emerges from their belief that Caodaism (the Third Universalism of the Great Way) is mankind's last salvation which Heaven bestows upon the chosen people and thus, the Vietnamese people's very great, honourable mission is to save the whole world in the Third Universalism era.

An Anthology of Holy Sayings (vol. I, Saigon 1928) collects numerous Caodai God's teachings relevant to the Vietnamese people's mission mentioned above. To name a few as follows:

On 25 July 1926: "*... in the Third Universalism era you are to save all mankind in the whole world...*" (p. 28)

On 13 December 1926: "*Originally, it's not at all a small matter when I found this true religion for the Vietnamese people.*" (p. 55)

On 17 January 1927: "*I do come to your country and found the true religion qualified for all creatures' salvation. Relying on this religion, you and all the people of yours will be able to attain noble positions.*" (p. 64)

5.5. Constructive effect of romantic characteristic

When putting oneself in the social situation of French Cochinchina, one will easily perceive how romantic characteristic constructively affected Caodaists. Their romantic characteristic released the restrained feelings

of the people losing their country, satisfied the pride of the unyielding race, and nourished their aspirations to be liberated so that Vietnamese people could hold their heads up high before the world, and then they would be able to spread Caodaism to influence other races.

It is possible to say that the Caodaists' romantic characteristic also manifests the patriotic tradition. Owing to this element, Caodai religion could gather massive patriotic Vietnamese, and this is the fact accepted by illustrious contemporary scholars. For instance, Jayne Susan Werner writes:

"Its skillful synthesis and new formulation of the Tam Giáo tradition not only offered great cultural appeal but it grew on the still vital protest movement associated with this tradition." (*Peasant Politics and Religious Sectarianism ...*, p. 56.)

*

Discovering the psychology of Caodaists might not be of much interest to both Caodai and non-Caodai researchers. According to the research purpose, this topic can be intensively studied to devise applications that meet specific needs.

27 May 2000

Revised, 18 September 2017

THE PSYCHOLOGY OF CAODAISTS AS VIEWED FROM THE VIETNAMESE PSYCHOLOGY

How many specific characteristics is the psychology of the Vietnamese made up of? This is, indeed, a question not easy to answer. Perhaps due to the perplexing issue, in her thin book published in 1993, entitled *Tâm Lý Dân Tộc: Tính Cách Và Bản Sắc (The Ethnic Psychology: Characteristics and Identities)*, Phạm Bích Hợp failed to offer the reader even a short list, except for the five characteristics cited from Nguyễn Hồng Phong (p. 75). Her said shortcoming seems to be partly compensated by *Tâm Lý Người Việt Nam Nhìn Từ Nhiều Góc Độ (The Psychology of the Vietnamese Viewed from Various Aspects)*, published in 2000 by Phạm Bích Hợp as chief author.

Despite the fact that it is quite thicker, the latter is merely an anthology of writings by numerous authors; consequently, it lacks systematicness and is still not an expected reply to the question raised at the beginning of this essay. Fortunately, included in the latter is Bùi Quốc

Châu's detailed list (pp. 172-173), which enumerates thirty-seven good and bad characteristics. It is possible to say that his listings might be somewhat not different from some other co-authors' ideas.

Based on the two said books (whose titles are respectively shortened as *TLDT*, and *TLVN*), I expediently pick out six typical psychological characteristics of the Vietnamese in terms of their approval by the majority of authors. Here, of course, the characteristics presented in the preceding essay entitled "*Some Psychological Traits of Caodaists*" (pp. 46-63) are not repeated. Relying on my selection, I try out a survey of the Caodaists' psychology. The order of these six psychological characteristics listed herein does not matter indeed.

*

1. Community psychology

Community psychology is considered a trait of the Vietnamese psychology (*TLVN*, p. 61). Especially for the settlers in Cochinchina (the cradle of Caodai religion), perhaps their community psychology shortly resulted from their needs to live gregariously in the remote past; gradually, the simple primary gregariousness flourished into villages so that those pioneers could not only get free from the inferiority complex of migrants (*TLVN*, p.

157) but also create good conditions to live dependently upon one another in the new land, whose harsh environment and too narrow circumstances they permanently had to deal with.

The traits of community psychology are immanent in Caodaists' religious practice, and identified in *Tân Luật* (the New Law) promulgated by the Caodai Holy Assembly. The first 1927 edition of the New Law (14 pages, 15x24cm) was printed in Saigon at Commerciale C. Ardin printing house [see *Plate 4*, p. 40d]. Although Caodai religion was split into fragments during the 1930s, the New Law remains the common code for most Caodai branches.

Emerging in Vietnam within the context of "the country defeated and the home lost", Caodai religion not only suffered all kinds of shortages but also endured permanent persecutions by both colonial rulers and Huế Court mandarins (please consult Huệ Khải, *Cấm Đạo Cao Đài Ở Trung Kỳ 1928-1950 / Caodaism under Persecution in Central Vietnam 1928-1950*. Hà Nội: Tôn Giáo publishing house, 2012). Therefore, Caodaists were to gather, relying on one another for survival and growth. The founding of *hộ đạo* (parish) is stipulated by the New Law as follows:

"Any congregation having at least about five hundred followers is authorised to found a parish, with its own

holy house, under the administration of a dignitary as its head.” (Religious Law, Chapter III, Article 16.)

Founding a parish to gather congregants is just a superficial or physical guarantee. For its stability and growth, every parish needs something sentimental or spiritual. Thus, congregants in the same parish are to be cordial enough so that they can promptly help one another when in need, especially events of wedding, funeral, or misfortune. The New Law stipulates three obligations as follows (*Secular Law, Articles 5, 14, 19*):

(a) *“Congregants are to nourish their cordial relationship, strengthening their fraternal ties. While leading their worldly life, adherents are not to neglect [their obligations towards their coreligionists in] cases of funeral and wedding.”*

(b) *“When a congregant passes away, the rest of the parish are to gather for helping the defunct’s family and offering condolences to that family’s head.”*

(c) *“When a congregant has an accident, the rest of the parish are to offer contributions proportional to their means so that their coreligionist can survive the critical time.”*

Dignitaries, non-dignitary officials, and congregants always cooperatively conduct the funeral of their coreligionist thoughtfully and whole-heartedly for no charge. The defunct’s family must not offer any money

or gifts in kind to dignitaries, non-dignitary officials who come to celebrate the sacraments and perform all burial rituals (from shrouding the corpse to back-filling the grave) as well as the periodically repeated sequence of refinement and salvation rituals (from placing the corpse into the coffin to completing the mourning period which lasts for 581 days from the day of death). If the defunct’s family is too poor, the congregants will earnestly club together to pay off all funeral expenses. If the defunct’s family is wealthy enough, all money contributed to the funeral will be poured into charities.

The majority of Caodaists are poor. For the defunct’s relatives, consequently, it is not always easy for them to find a place for burial. The following stipulation of the New Law might be considered a suggestion: *“Every parish had better establish its own cemetery.”* (*Secular Law, Article 14.*) Before 1975, indeed, many parishes managed to carry out the stipulation.

2. Factionalism, localism, separatism, and partialism

It sounds like a paradox to say that community psychology exists parallel with its opposing one which is denominated factionalism, localism (*TLVN, p. 93*), separatism, and partialism (*TLVN, pp. 99, 172, 173*).

During the 1930s, the fragmentation in Caodaism split the religion into various branches. Naturally, each “dissident” inevitably needed to try hard for its own

growth as well as its own reputation and prestige. For the root, it had to tightly defend itself so as to prevent the growth of more branches. Gradually, branch after branch converted to new Holy Assemblies and of course the root considered all of them unorthodox or heretical. Every Holy Assembly (whether the root or branch) readily had a few leaders of great prestige and influence; thus, each tried harder for its leaders' increasing prestige and influence so that other leaders' images could become dimmer.

Presently, the actual history of Caodai religion shows its two opposing effects: On the one hand, while trying hard to develop Caodism within its own "territory", each Holy Assembly can really make effective contributions to the rapid development of Caodai religion. On the other hand, contrarily, the more each Holy Assembly endeavours to achieve development in its own manner, the more it expands the distances among it and other Holy Assemblies, and the more it poses obstacles in the path of unifying Caodai religion.

Maybe each Holy Assembly owns certain strong points; overall, however, the strength of the whole religion is being scattered badly. If the Caodai Holy Assembly is a unified and integrated entity, Caodai religion can naturally win its collective strength to contribute to shortening the path of as well as the time for accomplishing the ultimate purpose of the Third

Universalism of the Great Way.

3. Respect for family sentiments, regarding the family as the base and the village as the extended family (TLDT, pp. 82-83)

This trait of the Vietnamese psychology reveals itself in the Caodai hierarchy of dignitaries. The congregants' common family is their parish: the greatest family is the Holy Assembly. The head of the Nonuple hierarchy is the Pope, also called the Eldest Brother, and all followers are His siblings. God (the Master) is Father, and the Eldest Brother is authorised to teach His siblings on the Father's behalf, which is a tradition in the Vietnamese society. This Pope's role is stipulated right at the beginning of the New Law:

*"The highest rank is the Pope, also called **the Eldest Brother**, who is authorised to represent the Master to lead all followers on religious and worldly paths."* (Religious Law, Chapter I, Article 1.)

Four ranks below the Pope is the Bishop. As stipulated by the New Law, the relationship between the Bishop and followers is also the one between siblings in the same family:

*"Bishops are to care for followers as **elder brothers do for their younger ones**. (...) Bishops must be close and helpful to followers like **siblings in the same family**."* (Religious Law, Chapter I, Article 5.)

The *Secular Law* is the second part of the New Law. Right at the beginning, it reiterates that the relationship between followers and their dignitaries is the one between siblings under the same roof, i.e., children of the same Father (the Master, God):

*“Disciples of the same Master are **children of the same Father**. They must love one another, maintain the connexion between one another, help each other, honestly behave towards each other, and lead one another on religious and worldly paths.”* (*Secular Law*, Article 1.)

Owing to the sense of family, the New Law emphasises admonishment rather than punishment. After specifying prohibitions, therefore, the New Law stipulates the way to deal with violators as follows:

*“If a follower violates one or more of the above precepts, the others who know must try to **dissuade** the violator. If in vain, the violation must be informed to the parish head for his **teaching**.”* (*Secular Law*, Article 22.)

4. Fondness for festivals, through which socialising with people in the same village or from different ones (*TLDT*, pp. 82-83)

This psychology might be considered relevant to Vietnamese people’s community psychology. Existing as a psychological trait of Caodaists, fondness for socialising with people in the same village or from different ones converts to fondness for socialising with

congregants in the same parish or from different ones.

Vietnamese people are very keen on festivals. According to a 2004 statistics released by the Ministry of Culture and Information, the year-round total of festivals in the whole Vietnam amounted to 8902, of which traditional folk festivals added up to 7005, and religious ones made 1399 (<http://www.tienphong.vn>). Thus, it is not surprising that Caodaists also celebrate a lot of their own festivals and anniversaries. Some of them are for the whole religion; some others are for a specific Holy Assembly [*see Plate 4*, p. 40d]. Some of them are related to merely a parish but not restricted to its own parishioners; thus, no invitation is requested and all Caodaists are warmly welcome.

The constructive effect of this practice is mutual assistance; indeed, whenever joining another parish’s anniversary, for example, participants always willingly offer voluntary contributions. This thoughtfulness and kindness raises considerable sums of money circulating amongst parishes, especially helping the poor ones.

Each festival or anniversary usually includes a sermon; so, it also helps participants enrich their understanding. Thanks to such a preaching session, participants can be partly compensated if their own parish fails to provide two preaching sessions on the first and the fifteenth of every lunar month, in

compliance with the New Law's stipulation (*Religious law*, Chapter III, Article 19). This is why Caodaists never regard their participation as a chance to amuse themselves; instead, it is formally denominated "*liên giao hành đạo*", literally translated "*connexion for doing the Dao*". In the early morning, hence, Caodaists willingly leave Saigon for an event in Long An, Tiền Giang or Bến Tre provinces, etc. or vice versa.

5. Fondness for harmony and negotiation rather than struggle (*TLVN*, p. 48)

Caodaists dress in white. White can match with any other colour. Thus, Caodaists are apt to emphasise that white symbolises harmony. Further than that, those who want to enter the White Jade Capital (God's abode in heaven) must depend upon harmony. Caodai God says:

*Harmony is a treasure of miracle,
And a key to open the door
to the White Jade Capital.*

*(Đại Thừa Chơn Giáo / The Mahayana
Orthodox Teaching. Saigon 1950, p. 132.)*

Caodai religion is a grand family in which dignitaries and followers are disciples of the same Master (God), also siblings of the same Father. As coreligionists, hence, they are to lead a life of benevolence, righteousness, and harmony. During an evocation seance on 20 February

1926, Caodai God said:

*As coreligionists, regardless of consanguinity,
You are siblings of the same Father
in the same family.*

So, let your whole lives

be righteous, benevolent,

And teach one another to live in harmony.

*(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển / An Anthology of
Holy Sayings, vol. I, 1964, p. 8.)*

Harmony is not only emphasised in Caodai teaching but also embodied in Caodai law. Generally, every lawsuit can easily break harmony. To maintain harmony, lawsuits are to be prevented. In a family, for this purpose, children should be dissuaded by dad; siblings by their elder ones. In a parish, such dissuasion is the duty performed by the parish head. The New Law stipulates "sanctions" which are to be carried out only after "conciliation":

*"In parishioners' worldly lives, in case of disagreements, they must present themselves before the parish head for **conciliation**."* (*Religious Law*, Chapter VII, Article 28.)

The New Law requires superiors to conciliate their inferiors, and it conversely obliges inferiors to humbly obey superiors' conciliation. In case of faults, superiors must listen to their inferiors' reasonable arguments:

“Obey superiors’ advice; do not feel ashamed of inferiors’ dissuasion. Reconcile others with propriety. In case of faults, do confess them repentantly.” (Religious Law, Chapter V, Article 22.)

To maintain harmony, as stipulated by the New Law, the third party is not to be an indifferent bystander:

“Do not stay aloof from struggling coreligionists without reconciling them...” (Religious Law, Chapter V, Article 22.)

Further than that, the New Law obliges believers as follows:

*“Having entered the religion, followers are to forget previous resentments and hatreds. Jealousy, competitiveness, and lawsuits are to be prevented. Be tolerant of and harmonious with one another. In case of any disagreement, be willing to obey the parish head’s **conciliation**.” (Secular Law, Article 2.)*

Amongst the earliest Caodaists were two typical district chiefs named Ngô Văn Chiêu (1878-1932) and Nguyễn Ngọc Tương (1881-1951). Due to their fondness for harmony, whenever settling a dispute in their own districts, they both always managed to conciliate the disputing parties.

6. Fondness for living in simplicity and thriftiness
(TLDT, p. 75)

For the majority of Caodaists who live in poverty, whether in rural areas or municipal ones, economising and living in simplicity is an act of virtue, and also one of the first lessons taught by Caodai God in the earliest days of Caodaism.

Indeed, during an evocation seance on 12 October 1926, Caodai God said:

“Why do I want you to dress in coarse cloth? Because dressing in coarse cloth is a virtuous example. Understanding the Dao, you must know that thriftiness is the top virtue on earth. I also consider wastefulness and ostentatiousness harmful to your virtue.” (An Anthology of Holy Sayings, vol. I, 1964, pp. 47-48.)

According to *Đạo Sử Xây Bàn / Historical Records of the Turning Table Practice*, vol. I (mimeographed), by Cardinal Hương Hiếu (1887-1971) of the Caodai Holy Assembly in Tây Ninh, during an evocation seance on 27 November 1926 Caodai God told His disciple named Nguyễn Ngọc Thơ (1873-1950) as follows:

“Thơ, the holy image [the God’s Eye] you make is accepted. You must manage to print numerous copies each time so as to lower the price a little, my son.” (p. 52)

In response to what Nguyễn Ngọc Thơ said right after that (which is unknown because Hương Hiếu did not record it), Caodai God continued:

“One thing I know is that most of your youngest siblings are poor. A penny saved is a penny earned, my son.” (p. 52)

Preparing for the construction of the Tây Ninh Holy See, during an evocation seance at the Thiên Lâm holy house on 28 February 1927, Spiritual Pope Lý Thái Bạch made architectural drawings of the Holy See. He designed a very grand temple proportional to the future stature of Caodaism. During a subsequent seance (undated by Hương Hiếu), Caodai God said:

“I’m not satisfied. If it costs too much, you should reduce the original dimensions by using ‘thước mộc’, my children.” (Thước mộc is a Vietnamese traditional unit for measuring length equal to 0.425 metres.)

Despite that, during a seance on 08 March 1927 at the Thiên Lâm holy house, when Nguyễn Ngọc Thơ begged to keep the original dimensions, Caodai God said, *“It costs badly, my son!”* Later, His Holiness Lý Thái Bạch let the earliest dignitaries know that Caodai God Himself had reduced the dimensions.

Thriftiness is stipulated by the New Law, typically as follows:

“[Dignitaries] dress normally. Their clothing is made of white cotton material only, or of coloured material assigned to each branch of theirs. They must be frugal and unluxurious.” (Religious Law, Chapter II, Article 15.)

“Proportionally to their circumstances, followers are to dress economically. They had better use coarse cloth and limit the use of silks.” (Secular Law, Article 21.)

“Burial had better not be lavish. Funerals had better not last for long days. The colour white should be used rather than gaudy colours. Sumptuous meals should be avoided so as not to spoil solemnity and sorrowfulness.” (Secular Law, Article 16.)

*

The psychology of Caodaists is part of the Vietnamese psychology, which certainly produces both constructive and unconstructive effects. Those psychological characteristics do affect the Caodaists’ mentality as well as their manner of practising their own religion. Those characteristics need to be surveyed so as to minimise obstacles and simultaneously optimise available advantages in every effort to develop Caodaism extensively. Nevertheless, the psychology of Caodaists is a domain which has not been academically studied. This essay should, consequently, be considered a tentative step on a virgin piece of land.

*November 2004
Revised, 25 September 2017*

FOR FURTHER READING

A. For more knowledge of Caodaism, readers are suggested to consult the following bilingual Vietnamese-English books by Huệ Khải, published by the Programme of Joining Hands for Free Caodai Publications in cooperation with the Tôn Giáo (Religion) and the Hồng Đức publishing houses since mid-2008:

1. CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ (1928-1950) / *Caodaism under Persecution in Central Vietnam (1928-1950)*. Hà Nội: Tôn Giáo, 2012.
2. ĐẠO CAO ĐÀI TRONG ĐỜI SỐNG CÔNG CHÚNG / *Caodaism in Public Life*. Hà Nội: Tôn Giáo, 2015 (collaborated with Thiện Quang).
3. ĐẤT NAM KỲ – TIỀN ĐỀ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *Cochinchina as a Legal Precondition for the Foundation of Caodaism*. Hà Nội: Tôn Giáo, 2008, 2010.
4. ĐẤT NAM KỲ – TIỀN ĐỀ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *Cochinchina as a Cultural Precondition for the Foundation of Caodaism*. Hà Nội: Tôn Giáo, 2008, 2012.
5. ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN GIÁO TỪ GÓC NHÌN MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / *Interfaith Dialogues as Viewed by a Caodai Believer*. Hà Nội: Tôn Giáo, 2015.
6. GIA ĐÌNH TRONG TÂN LUẬT CAO ĐÀI / *Family in the Caodai New Law*. Hà Nội: Tôn Giáo, 2014.

7. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: KHAI MINH ĐẠI ĐẠO 1926 / *A Concise Caodai History: The 1926 Inauguration*. Hà Nội: Tôn Giáo, 2015.
8. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: THỜI TIỀM ẨN 1920-1926 / *A Concise Caodai History: The Earliest Beginnings 1920-1926*. Hà Nội: Hồng Đức, 2017.
9. NGÔ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN / *Ngô Văn Chiêu – the First Caodai Disciple*. Hà Nội: Tôn Giáo, 2008, 2009, 2012.
10. NGŨ GIỚI CẤM XƯA VÀ NAY / *The Five Precepts Past and Present*. Hà Nội: Tôn Giáo, 2014.
11. TAM GIÁO VIỆT NAM – TIỀN ĐỀ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *The Three Teachings of Vietnam as an Ideological Precondition for the Foundation of Caodaism*. Hà Nội: Tôn Giáo, 2010, 2013.
12. TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI / *The Psychology of Caodaists*. Hà Nội: Hồng Đức, 2017.
13. THIÊN BÀN TẠI NHÀ / *The God's Altar at Home*. Hà Nội: Tôn Giáo, 2014.
14. TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TA VỚI TÂM TÌNH MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / *Nostra Aetate in a Caodai Believer's Sentiment*. Hà Nội: Tôn Giáo, 2016.

B. Besides, all English texts of the above-listed titles can be accessed at

<http://understandingcaodaism.blogspot.com>

THESE BOOKS ARE NOT FOR SALE.